

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 3412
Giảng viên: Huỳnh Phan Thanh Thanh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503439	TRỊNH THỊ KHÁNH	PHƯƠNG	13/09/07	LW25111			
2	22500217	RƠ CHÂM Y	QUỐC	05/02/03	LW25111			
3	22503163	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	10/04/07	LW25111			
4	22500054	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	18/09/05	TL25111			
5	22501239	NGUYỄN	TRÃI	01/05/99	LW25111			
6	22500186	TRỊNH LÊ HỒNG	VY	17/07/06	PR25111			
7	22500802	TRẦN NGỌC KHÁNH	XUÂN	18/02/07	LW25111			
8	22501960	TRƯƠNG NGỌC NHƯ	Ý	29/05/07	LW25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 3412
Giảng viên: Huỳnh Phan Thanh Thanh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503180	ĐÀO MINH	ANH	16/08/07	LW25111			
2	22503617	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	06/11/04	LW25111			
3	22502179	LÊ	ÂN	08/08/07	LW25111			
4	22503548	PHẠM GIA	BẢO	02/05/03	LW25111			Cấm thi
5	22503209	TRẦN KHÁNH	BĂNG	01/11/07	LW25111			
6	22502616	NGUYỄN KIỀU	DƯƠNG	22/09/07	LW25111			
7	22500197	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	ĐAN	08/12/06	LW25111			
8	22500087	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	16/12/88	FT25111			
9	22502756	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	11/11/07	LW25111			
10	22501037	TRẦN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	17/03/07	LW25111			
11	22500472	HUỲNH PHẠM TRÁC	GIAO	31/01/07	LW25111			
12	22500053	HỒ TRẦN GIA	HÂN	11/04/06	NT25111			Cấm thi
13	22500019	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	25/03/05	SE25111			
14	22502121	LÊ TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	23/12/07	LW25111			
15	22500333	NGUYỄN MINH	KIỆT	14/10/04	LG25111			
16	22503210	HÀ KHÁNH	LINH	20/06/07	MC25111			
17	22500826	PHẠM PHƯƠNG	LINH	17/09/07	MC25111			
18	22501095	LÊ NGỌC PHƯƠNG	MAI	05/05/07	MC25111			
19	22500273	NGUYỄN HÙNG	MẠNH	08/09/06	MC25111			
20	22503214	NGUYỄN TUẤN	MINH	27/06/07	LW25111			
21	22503145	NGUYỄN NGỌC THANH	MY	22/07/07	MC25111			
22	22502837	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	17/08/07	MC25111			
23	22503150	NGUYỄN NGỌC THÚY	NGA	18/04/07	MC25111			
24	22502025	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/10/07	LW25111			
25	22500990	NGUYỄN TRIỆU THÁI	NGUYỄN	15/05/07	LW25111			
26	22502758	NGUYỄN ĐỖ TUỆ	NHI	28/08/07	LW25111			
27	22502691	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	05/02/07	LW25111			
28	22500556	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/11/07	LW25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 3413
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500887	TRẦN GIA	HUY	16/09/07	MC25111			
2	22503185	NGUYỄN TRẦN NGỌC	HƯƠNG	03/05/07	MC25111			
3	22501100	VŨ PHƯƠNG	KHÁNH	30/10/07	MC25111			
4	22500652	TRẦN MỸ	KIM	27/08/07	MC25111			
5	22503468	ĐINH NGUYỄN TƯỜNG	LAM	17/06/05	MC25111			
6	22500032	BÙI TRẦN UYÊN	NHI	15/07/05	TT25111			
7	22503818	DOÃN TRẦN MINH	TÂM	21/02/03	MC25111			
8	22501703	ĐẶNG NGỌC LAN	VY	23/07/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 3413
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501977	DƯƠNG HOÀI	AN	04/05/07	MC25111			
2	22500947	NGUYỄN DUY	AN	11/02/07	MC25111			
3	22503154	NGUYỄN NGỌC HOÀI	AN	06/08/07	MC25111			
4	22500513	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	ANH	28/03/07	MC25111			
5	22500203	NGUYỄN HOÀI	ANH	27/10/05	TC25111			
6	22501300	PHẠM QUỲNH	ANH	02/10/07	MC25111			
7	22503611	TRƯƠNG MINH	ÁNH	25/04/04	KT25111			
8	22500045	NGÔ CÔNG QUỐC	BẢO	01/06/01	TT25111			
9	22501704	NGUYỄN LÊ GIA	BẢO	31/03/07	MC25111			
10	22502615	PHẠM THỊ KIM	BÌNH	22/05/07	MC25111			
11	22502856	TRẦN HUỲNH NGỌC	CHÂU	02/05/07	MC25111			
12	22503056	LÊ NGUYỄN CÔNG	DANH	23/04/07	MC25111			
13	22503065	NGUYỄN NGỌC THUỖ	DƯƠNG	05/01/07	MC25111			
14	22503417	PHAN THỊ THUỖ	DƯƠNG	17/02/07	MC25111			
15	22501179	PHẠM HẢI	ĐĂNG	21/03/07	MC25111			
16	22500755	NGUYỄN XUÂN TRUNG	ĐỨC	28/02/03	NT25111			
17	22503308	NGUYỄN NGỌC	HẢI	19/01/07	MC25111			
18	22500866	ĐOÀN HÀ GIA	HÂN	19/11/07	MC25111			
19	22502521	NGUYỄN GIA	HÂN	08/08/07	MC25111			
20	22500269	VIÊN KHẢ	HÂN	20/10/05	DM25111			
21	22500437	LÊ PHƯỚC	HẬU	08/11/07	MC25111			
22	22501294	NGUYỄN HOÀNG	HIỆU	30/07/07	MC25111			
23	22500989	NGUYỄN MINH	HIỆU	01/01/07	MC25111			
24	22502453	NGUYỄN THU	HIỆN	09/06/07	MC25111			
25	22500779	LÊ VŨ MINH	HOÀNG	04/02/06	MC25111			
26	22501517	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	HỌC	18/02/07	MC25111			
27	22500890	LÂM VI QUỐC	HUY	13/12/07	MC25111			
28	22501165	TẤT GIA	HUY	08/06/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 3422
Giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Trang
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501711	NGUYỄN THÀNH	AN	11/05/07	EC25111			
2	22501161	NGUYỄN THÙY	AN	03/08/07	KS25111			
3	22500540	THÂN ĐỨC PHƯỚC	AN	30/08/07	KS25111			
4	22501791	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	25/09/07	KS25111			
5	22503319	NGUYỄN HOÀI	ÂN	12/09/07	KS25111			
6	22500876	NGUYỄN ĐÌNH	ĂN	04/12/07	KS25111			
7	22502362	NGÔ THỊ KIM	CHI	29/05/07	KS25111			
8	22205656	NGUYỄN NGỌC VÂN	CHI	07/08/04	NT22111			
9	22503230	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	11/04/07	KS25111			
10	22503826	TRẦN HẢI	CƯỜNG	14/12/05	EC25111			
11	22502966	GIANG THẠCH	DÂN	06/11/07	KS25111			
12	22500543	MIYASHITA	ĐẠI	25/08/06	KS25111			
13	22503508	VŨ THÀNH	ĐẠT	26/09/98	EC25111			
14	22503311	CHU NHẬT	HÀO	19/01/07	EC25111			
15	22500753	TRẦN TÍN	HÀO	22/06/07	EC25111			
16	22500565	VÕ NGUYỄN VŨ	HÂN	11/11/07	KS25111			
17	22503584	DIÊU THỊ CAM	HẰNG	24/08/05	EC25111			Cấm thi
18	22500088	HUYỀN HOÀNG	HI	23/09/06	TV251			
19	22500863	NGUYỄN KIM	HOÀN	11/12/07	KS25111			
20	22500596	LÊ QUỐC	HUY	25/08/06	EC25111			
21	22501016	TRẦN BÁ NGUYỄN	HUY	22/10/07	EC25111			
22	22500789	TRẦN QUANG	HÙNG	13/04/07	KS25111			
23	22501531	NGUYỄN NHÃ	KỶ	12/03/07	EC25111			
24	22500039	LÊ NGỌC GIÁNG	MY	01/09/06	MK25111			
25	22503299	TRẦN THANH	NAM	10/06/07	EC25111			
26	22503228	NGUYỄN KIM	NGÂN	18/06/07	EC25111			
27	22500977	TẠ BẢO	NGHI	19/05/07	EC25111			
28	22501511	LÝ NGỌC	NHI	20/07/07	EC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 3422
Giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Trang
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503438	TRẦN HUỖNH ĐÔNG	NHI	27/10/07	EC25111			
2	22501362	HUỖNH TÚ	NHƯ	02/02/05	EC25111			
3	22500554	LÊ NGUYỄN KHA	NHƯ	19/02/06	EC25111			
4	22501585	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	17/09/07	EC25111			
5	22500059	ĐẶNG NGỌC THIÊN	PHÚ	05/08/05	TV251			
6	22503649	HỒ THANH	SƠN	17/06/05	EC25111			
7	22501725	HOÀNG HỒNG	THANH	10/11/07	EC25111			
8	22500100	TRẦN PHƯƠNG	TRANG	15/01/04	KS25111			
9	22500677	NGUYỄN ĐỨC QUANG	TÙNG	07/11/07	EC25111			
10	22401360	NGUYỄN NGỌC MỸ	TƯỜNG	05/12/06	MC24111			
11	22500531	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	25/09/07	EC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4800 – Số hiệu lớp: 3433
Giảng viên: Phan Chu Líp
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500587	NGUYỄN ĐĂNG ANH	KHOA	01/07/04	LG25111			
2	22500785	PHẠM ĐĂNG	KHOA	15/09/07	LG25111			
3	22503011	HUỲNH THÀNH PHÚ	LỘC	08/09/07	LG25111			
4	22503513	BÙI BẢO	MINH	16/10/01	LG25111			
5	22500057	TRẦN NGỌC KIM	NGÂN	22/05/05	KS25111			
6	22502482	TRẦN THỊ KHÁNH	QUỲNH	07/11/07	LG25111			
7	22503477	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	22/06/06	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4800 – Số hiệu lớp: 3433
Giảng viên: Phan Chu Líp
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500937	HÀ QUỐC	AN	28/10/07	LG25111			
2	22501448	NGUYỄN HUY	AN	09/06/07	LG25111			
3	22500594	NGUYỄN NHẬT	ANH	09/04/07	LG25111			
4	22500681	HUỲNH VĂN	BẢO	20/01/07	LG25111			
5	22500787	NGUYỄN GIA	BẢO	25/10/07	LG25111			
6	22503338	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	23/02/07	LG25111			
7	22501129	PHAN TRẦN GIA	BẢO	27/06/07	LG25111			
8	22501192	TRẦN GIA	BẢO	16/05/07	LG25111			
9	22502130	TRẦN GIA	BẢO	12/07/07	LG25111			
10	22500905	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	10/03/07	LG25111			
11	22500050	VÕ PHẠM MỸ	DUYÊN	16/02/05	DM25111			Cấm thi
12	22503443	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	18/09/07	LG25111			
13	22500870	NGUYỄN QUÝ	ĐĂNG	22/11/03	LG25111			Cấm thi
14	22501459	PHAN HUỲNH	ĐỨC	08/03/07	LG25111			Cấm thi
15	22503068	DƯƠNG NGUYỄN BẢO	HÂN	12/12/07	LG25111			
16	22503216	LƯU GIA	HÂN	08/11/07	LG25111			
17	22500913	NGUYỄN GIA	HÂN	15/06/07	LG25111			
18	22502149	LÊ TRƯƠNG ĐỨC	HOÀNG	14/11/07	LG25111			
19	22500638	NGUYỄN THANH	HOÀNG	09/08/07	LG25111			
20	22502648	HUỲNH HOÀNG GIA	HUY	20/11/07	LG25111			
21	22500518	NGUYỄN GIA	HUY	01/05/07	LG25111			
22	22500713	TRẦN NGUYỄN MINH	HUYỀN	18/02/07	LG25111			
23	22502302	CHÂU GIA KHÁNH	HƯNG	30/05/06	LG25111			
24	22502676	HUỲNH HOÀNG	HƯNG	08/08/07	LG25111			Cấm thi
25	22502152	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	22/06/07	LG25111			
26	22503821	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	23/09/06	LG25111			
27	22500528	CHAN TUNG	KEI	18/04/07	LG25111			
28	22500780	BẠCH NGỌC GIA	KHANG	03/11/07	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4900 – Số hiệu lớp: 3434
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503592	TRỊNH HOÀNG	ANH	07/05/03	LG25111			
2	22503262	TRẦN VŨ THIÊN	ÂN	26/02/07	LG25111			
3	22502838	TRẦN NGUYỄN NHẬT	HUY	04/01/07	LG25111			
4	22503059	ĐOÀN Ý	NHI	21/06/07	LG25111			
5	22503094	HỒ NGỌC BẢO	NHI	31/01/07	LG25111			
6	22500665	NGUYỄN MINH DƯƠNG	NHỰT	01/07/07	LG25111			
7	22503063	NGUYỄN HUỲNH KIM	OANH	31/07/07	LG25111			
8	22503381	HÀ THUẬN	PHONG	26/01/07	LG25111			
9	22501077	KIM THIỆU	PHONG	31/08/07	LG25111			
10	22503055	PHẠM HOÀNG	PHÚC	24/08/07	LG25111			
11	22500871	CHU PHẠM ANH	QUÂN	30/09/07	LG25111			
12	22501043	NGUYỄN VIỆT MINH	QUÂN	27/06/07	LG25111			
13	22500465	DƯƠNG THỊNH	QUÝ	27/02/07	LG25111			
14	22503476	TRẦN PHÙNG TRUNG	SANG	26/12/07	LG25111			
15	22503139	VŨ THÀNH	SƠN	05/12/07	LG25111			
16	22503359	NGUYỄN HOÀNG	TÀI	20/12/07	LG25111			
17	22500926	NGUYỄN DUY	TÂN	23/02/07	LG25111			
18	22502750	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	31/07/07	LG25111			
19	22501070	TRẦN TUẤN	THANH	29/11/07	LG25111			
20	22501074	BÙI TẤN	THÀNH	23/07/07	LG25111			
21	22501004	LA NGUYỄN MINH	THẢO	26/03/07	LG25111			
22	22502430	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	08/04/07	LG25111			
23	22502237	NGUYỄN HUY	THẮNG	22/11/07	LG25111			
24	22502353	ĐOÀN NGỌC ĐĂNG	THỊNH	13/05/07	LG25111			
25	22503016	TÔ PHÚC	THỊNH	12/07/07	LG25111			
26	22501707	VÕ MINH	THÔNG	14/11/07	LG25111			
27	22500598	LÝ QUANG	THUẬN	07/11/07	LG25111			
28	22503025	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	05/10/07	LG25111			
29	22500754	NGUYỄN MINH	TRÍ	24/10/07	LG25111			
30	22503490	ĐẶNG THÀNH	TRUNG	16/08/07	LG25111			Cấm thi
31	22501038	TRẦN THANH	TRÚC	07/01/07	LG25111			
32	22503157	ĐẶNG TUẤN	TÚ	23/11/07	LG25111			
33	22503471	ĐOÀN HÙNG	VƯƠNG	01/07/07	LG25111			
34	22503633	TRẦN VŨ TUỜNG	VY	19/07/05	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5700 – Số hiệu lớp: 3437
Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500908	NGUYỄN HUỲNH NHẬT	ANH	13/04/06	DM25111			
2	22502082	ĐỖ VŨ NGỌC	ÁNH	16/02/07	DM25111			
3	22501137	TRẦN THUỖ	DƯƠNG	29/01/07	DM25111			
4	22502329	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	13/10/07	DM25111			
5	22501557	DƯƠNG KIM	HÀ	20/12/07	DM25111			
6	22500970	HUỲNH	HÂN	27/07/07	DM25111			
7	22502592	HUỲNH BẢO	HÂN	21/09/07	DM25111			
8	22500538	ĐỖ DUY	HIỂN	25/02/07	DM25111			
9	22500072	NGUYỄN ĐÀO KHÁNH	HOÀNG	17/11/05	DM25111			
10	22500880	NGUYỄN HOÀNG	HUY	18/03/07	DM25111			
11	22502138	VŨ QUANG	HUY	27/11/07	DM25111			
12	22501014	LƯU GIA	HƯNG	28/11/07	DM25111			
13	22500385	TỔNG NHỰT	KHANG	27/07/03	DM25111			
14	22500995	NGUYỄN CHÂM	KHANH	01/11/07	DM25111			Cấm thi
15	22503566	NGUYỄN HOÀNG	KỶ	01/12/05	NT25111			
16	22502076	BÙI LINH	NGỌC	07/12/07	DM25111			
17	22500860	LÊ PHƯƠNG THẢO	NGỌC	21/11/07	DM25111			
18	22500872	NGUYỄN PHẠM THÚY	NGỌC	30/04/06	DM25111			
19	22500963	NGÔ LÝ THẢO	NGUYỄN	17/02/07	DM25111			
20	22500068	TRẦN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	25/04/05	TL25111			
21	22501221	NGUYỄN LÊ HOÀNG	NGUYỄN	14/02/05	DM25111			
22	22500095	DOÃN THÀNH	NHÂN	19/10/06	DM25111			
23	22501015	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	01/03/07	DM25111			
24	22500909	NGUYỄN HUỲNH PHÁT	THẠNH	18/09/06	DM25111			
25	22500658	PHẠM QUỐC	TIẾN	05/09/07	DM25111			
26	22501047	LÊ NGỌC KIM	TUYỀN	24/08/07	NT25111			
27	22503498	ĐẶNG LÂM THÚY	VY	02/09/07	NT25111			
28	22500644	LÂM THÀNH	VỸ	20/10/06	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6400 – Số hiệu lớp: 3442
Giảng viên: Dương Lan Linh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501270	HOÀNG VĂN CÁT	AN	21/12/07	NT25111			
2	22502500	ĐOÀN GIA NGHI	ANH	14/04/07	NT25111			
3	22500578	TRẦN NGỌC	ÁNH	21/05/07	NT25111			
4	22501841	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	19/04/07	NT25111			
5	22503255	TRƯƠNG NGUYỄN THUỖ	DUYÊN	20/07/07	NT25111			
6	22503128	ĐỖ TIẾN	DŨNG	09/07/07	NT25111			
7	22500555	PHẠM NHẬT	HÀO	13/07/07	NT25111			
8	22500731	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	03/06/07	NT25111			
9	22502009	LÊ BẢO	HÒA	09/09/07	NT25111			
10	22503406	VŨ ANH	KHOA	31/10/07	NT25111			
11	22500661	HUỖNH TẤN	LỘC	11/08/07	NT25111			
12	22500407	QUÁCH ĐẶNG HOÀNG	NGÂN	05/05/06	NT25111			
13	22503187	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	31/01/07	NT25111			
14	22500968	CAO MỸ	NHÂN	16/07/07	NT25111			
15	22501910	PHẠM HUỖNH YẾN	NHI	02/03/07	NT25111			
16	22503717	HOÀNG THÀNH	PHÁT	13/05/06	NT25111			
17	22501032	LÊ TIẾN	PHÁT	16/11/07	NT25111			
18	22502290	LÂM NGỌC	PHÚ	27/01/07	NT25111			
19	22503564	NGUYỄN TẤN	TÀI	27/09/07	NT25111			
20	22500633	ĐẶNG PHÚC	THỊNH	28/01/07	NT25111			
21	22502855	NGUYỄN LÂM BÍCH	THÙY	09/08/07	NT25111			
22	22503453	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	15/01/07	NT25111			
23	22500972	TRẦN ANH	THỨ	21/06/06	NT25111			
24	22501035	BÙI THỊ CẨM	TIẾN	22/04/07	NT25111			
25	22503115	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	20/07/07	NT25111			
26	22500446	TRỊNH BẢO	TRÂN	22/11/07	NT25111			
27	22503162	VÕ MINH	TRUNG	20/09/07	NT25111			
28	22500984	NGÔ ĐỨC	TUẤN	04/08/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7400 – Số hiệu lớp: 3447
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501327	NGUYỄN NGỌC THU	AN	12/02/07	TT25111			
2	22503353	ĐỖ KHÁNH CHIÊU	ANH	02/01/07	DM25111			
3	22503301	ĐỖ THỊ TUYẾT	ANH	22/09/07	DM25111			
4	22502859	NGUYỄN VÂN	ANH	17/01/06	DM25111			
5	22502738	VŨ THÙY	DUNG	26/09/07	DM25111			
6	22503032	NGUYỄN MINH	HẢI	28/07/07	DM25111			
7	22503499	LÊ THỊ THU	HẰNG	24/12/02	TT25111			
8	22503362	TRẦN QUANG	HUY	21/08/07	DM25111			
9	22503590	DƯƠNG NHÃ	KHOA	08/11/06	DM25111			
10	22500342	HUYỀNH TRUNG	KHOA	28/05/03	LG25111			
11	22503031	VÕ HỒNG	LIÊN	31/07/07	TT25111			
12	22503023	NGUYỄN LÊ HỒNG	MINH	30/06/06	DM25111			
13	22503184	NGUYỄN HOÀNG HÀ	MY	16/10/07	DM25111			
14	22503111	VƯƠNG QUỐC	NAM	19/06/07	DM25111			
15	22501829	NGUYỄN THÚY	NHI	28/10/07	TT25111			
16	22503084	TRẦN BẢO	NHI	29/10/07	DM25111			
17	22502670	NGUYỄN MẠNH ĐĂNG	QUÂN	15/06/07	DM25111			
18	22501886	NGUYỄN ĐIỀU XUÂN	QUỲNH	17/01/07	TT25111			
19	22503099	TRẦN NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/01/07	TT25111			
20	22503092	LÊ HÀ PHƯƠNG	THANH	23/11/07	DM25111			
21	22503399	NGUYỄN MINH	THÀNH	11/06/07	DM25111			
22	22500256	NGUYỄN HOÀI THANH	THUẬN	08/12/04	LG25111			
23	22503036	NGUYỄN KHOA MINH	THƯ	07/05/06	DM25111			
24	22501807	NGUYỄN BẢO	TRẦN	05/03/07	DM25111			
25	22500924	NGUYỄN PHAN MINH	TRÍ	07/08/05	TT25111			
26	22503571	ĐÀO MINH	TUẤN	16/07/07	DM25111			
27	22503397	TRƯƠNG VĂN CÁT	TƯỜNG	26/04/04	DM25111			
28	22500257	NGUYỄN THÙY	VY	11/06/04	DL25111			
29	22501868	TRẦN NGỌC MINH	XUÂN	01/11/07	DM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7700 – Số hiệu lớp: 3448
Giảng viên: Lê Nguyệt Tú Anh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2192884	TRẦN NGỌC LAN	ANH	29/06/01	TL1911			
2	22502279	LÊ HOÀNG	KHOA	27/12/07	KS25111			
3	22502768	VŨ ĐĂNG	KIÊN	24/01/07	KS25111			
4	22500487	PHAN NGÔ MINH	KỶ	31/05/07	KS25111			
5	22503158	NGUYỄN THÁI THUỖ	LINH	22/03/07	KS25111			
6	22500737	LÊ THỊ CẨM	LY	27/04/07	KS25111			
7	22500827	PHẠM HOÀNG	MAI	17/09/07	KS25111			
8	22501252	ĐỖ NHẤT	MINH	24/10/07	KS25111			
9	22503241	LÊ NGUYỄN HẢI	MINH	23/10/07	KS25111			
10	22503046	LÊ NHỰT	MINH	23/07/07	KS25111			
11	22502506	LÊ QUANG	MINH	13/10/07	KS25111			
12	22503466	PHẠM HOÀNG THẢO	MY	06/05/07	KS25111			
13	22503212	VŨ THỊ TRÀ	MY	02/11/07	KS25111			
14	22500526	TRẦN HẢO	NAM	19/12/07	KS25111			
15	22502485	PHẠM NGUYỄN TRÚC	NGÂN	28/09/07	KS25111			
16	22502019	ĐẶNG UYÊN	NHI	27/07/07	KS25111			
17	22501818	ĐÀO LÂM	NHƯ	30/05/07	KS25111			
18	22500657	NGÔ KIM	PHÚC	30/07/06	KS25111			
19	22500706	NGÔ NHÃ	PHƯƠNG	08/10/07	KS25111			
20	22500770	MAI BẠCH TRƯỜNG	THỊNH	20/09/07	KS25111			
21	22503363	HUỲNH NGỌC MINH	THƯ	01/04/07	KS25111			
22	22503048	NGUYỄN BÁ THỦY	TIẾN	18/11/07	KS25111			
23	22500412	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	03/12/07	KS25111			
24	22502961	ĐỖ MINH	TRIẾT	19/11/07	KS25111			
25	22503426	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	06/06/07	KS25111			
26	22500402	TRẦN ĐẶNG MINH	TÚ	09/02/07	KS25111			
27	22503391	HUỲNH NGỌC	VY	22/04/07	KS25111			
28	22501008	LÊ TRIỆU	VY	28/03/07	KS25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 3411
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503815	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	01/12/05	KT25111			
2	22112367	ĐỖ HOÀI	BẢO	25/01/92	KT21121			
3	22503845	TRƯƠNG GIA	BẢO	31/10/04	BL25111			
4	22500466	NGUYỄN LƯƠNG HỒNG	CHÂU	08/06/03	FT25111			
5	22501041	HỒ CHÍ	DŨNG	29/08/06	FT25111			Cấm thi
6	22500994	LƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	10/06/07	KT25111			
7	22500676	TỔNG THỊ THU	HIỀN	06/09/06	KT25111			
8	22503570	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	06/03/05	FT25111			
9	22501224	NGÔ ANH	KHOA	10/07/06	FT25111			
10	22502964	ĐỖ MINH	KHÔI	09/08/07	FT25111			
11	22500346	NGUYỄN THANH PHÚC	LỘC	25/10/06	DM25111			
12	22503109	MÃ THÀNH	LUÂN	05/01/07	FT25111			
13	22500736	ĐOÀN THỊ NHƯ	NGỌC	20/05/07	FT25111			
14	22503224	HÀ BẢO	NGỌC	20/09/07	KT25111			
15	22500810	TRẦN HỒNG BẢO	NGỌC	08/07/07	FT25111			
16	22501358	PHAN LÊ MINH	NHẬT	16/03/07	FT25111			
17	22500002	CAO LÊ UYÊN	NHI	15/08/05	DM25111			
18	22501355	HUYỀNH NGỌC	NHƯ	21/03/07	FT25111			
19	22500049	PHAN TẤN	PHÁT	02/07/05	MK25111			Cấm thi
20	22500430	VÕ CHẾ CẨM	TIỀN	08/12/07	FT25111			
21	22500959	NGUYỄN PHÚC	TIẾN	19/02/06	FT25111			Cấm thi
22	22501209	ĐỖ HUỲNH MAI	TRANG	11/02/07	FT25111			
23	22503188	LÊ HOÀNG	TRIẾT	05/03/07	FT25111			
24	22503190	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	21/09/01	FT25111			
25	22500201	ĐINH THÀNH	TRUNG	23/12/05	NT25111			
26	22502183	NGUYỄN PHAN ANH	TUẤN	27/01/07	FT25111			
27	22500241	PHAN NGỌC	TUYẾT	20/12/05	TV251			
28	22500637	NGUYỄN NHƯ	Ý	19/02/07	KT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 3415
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503835	LÊ PHƯƠNG	ANH	27/11/04	NT25111			
2	22503579	NGUYỄN QUỐC	ANH	13/09/06	MC25111			
3	22500839	NGUYỄN THANH	DIỄM	07/05/05	SE25111			Cấm thi
4	22500419	HÀ HỒNG	DŨNG	11/01/07	SE25111			
5	22502507	NGUYỄN CHÍ	ĐAN	10/07/07	SE25111			
6	22502535	QUÁCH TÚ	HẢI	02/09/07	SE25111			Cấm thi
7	22503418	PHAN THÀNH	HOÀNG	18/11/06	SE25111			
8	22503147	HUYỀN GIA	KHIÊM	29/03/07	SE25111			
9	22501265	NGUYỄN KHÁNH ĐĂNG	KHOA	03/09/07	SE25111			
10	22500822	VÕ QUỐC	LÂM	05/09/07	SE25111			
11	22500917	PHẠM MINH	LỘC	27/11/07	SE25111			
12	22500423	NGUYỄN CẢNH	MINH	12/12/07	SE25111			
13	22500704	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	MINH	12/01/07	SE25111			
14	22500778	TRẦN NGỌC KHÔI	NGUYỄN	28/03/00	SE25111			
15	22502984	HUYỀNH NGỌC BẢO	NHƯ	11/06/07	SE25111			
16	22500572	BÙI TIẾN	QUỐC	02/08/07	SE25111			
17	22500009	HỒ NGUYỄN THANH	THẢO	01/11/99	PR25111			
18	22500326	PHAN THÀNH	THẮNG	25/06/04	SE25111			
19	22503559	HOÀNG NHẬT	TRIỀU	12/08/03	SE25111			Cấm thi
20	22501365	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	14/11/07	SE25111			
21	22500823	NGUYỄN HOÀNG MINH	TUẤN	08/01/07	SE25111			
22	22501081	HUYỀNH TUYẾT	VÂN	20/12/07	MC25111			
23	22503172	KHA QUANG	VINH	22/08/07	MC25111			
24	22503086	NGUYỄN TẤN	VINH	26/09/07	MC25111			
25	22503332	BÙI HOÀNG TƯỜNG	VY	15/11/05	MC25111			
26	22503451	HOÀNG LÊ	VY	01/02/07	MC25111			
27	22501902	HỒ NGỌC TƯỜNG	VY	10/04/07	MC25111			
28	22501085	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	14/09/07	MC25111			
29	22502026	NGUYỄN NHỰT THANH	VY	08/03/07	MC25111			
30	22502099	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	VY	22/09/06	MC25111			
31	22500790	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VY	14/09/07	MC25111			
32	22500218	PHẠM THỊ TRÚC	XANH	05/08/06	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 3416
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500641	THÁI PHẠM THIÊN	AN	30/03/07	NH25111			
2	22500481	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	27/04/07	NL25111			
3	22502022	NGUYỄN TRỊNH THẢO	ANH	07/07/07	NH25111			
4	22502344	PHAN NGUYỄN QUỐC	ANH	25/02/07	NL25111			
5	22501943	TRẦN HÀ QUỲNH	ANH	19/06/07	NL25111			
6	22503475	CHEW VIỆT	ÂN	12/02/07	NL25111			
7	22503322	LÀU PHỐI	ÂN	08/10/04	NH25111			
8	22500733	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	11/06/07	NH25111			
9	22500828	NGUYỄN LÊ	DUY	10/04/07	NH25111			
10	22500921	TRẦN MẠNH	DŨNG	22/12/06	NH25111			
11	22503523	CỒ NHƯ	GIANG	28/10/06	NH25111			
12	22503222	TRƯƠNG GIA	HÂN	01/05/07	NH25111			
13	22501514	HỨA HUỲNH NHẬT	HUY	06/08/07	NH25111			
14	22500261	LIM CẨM	HUY	24/11/04	NH25111			
15	22503657	TRƯƠNG GIA	HUY	31/05/05	NH25111			
16	22500512	ĐẶNG NGỌC DIỄM	KHANH	24/07/05	NL25111			
17	22500897	NGUYỄN THỊ AN	KHANH	11/12/07	NH25111			
18	22500882	TRƯƠNG HOÀNG ĐĂNG	KHOA	27/03/07	NH25111			
19	22500666	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	LONG	30/10/07	NH25111			
20	22500589	NGUYỄN THANH	MÃN	21/03/07	NH25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 3416
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402940	BÙI ANH	MINH	28/03/00	BL24111			
2	22500966	NGUYỄN NGỌC NHƯ	NGÂN	28/11/06	NL25111			
3	22503493	PHẠM ĐẶNG HỒNG	NGÂN	18/08/03	NH25111			
4	22500952	NGUYỄN GIA	NGHI	10/03/07	NH25111			
5	22500626	VÕ NGỌC TUỆ	NGHI	01/08/07	NL25111			
6	22503328	NGUYỄN HOÀNG THANH	NHẬT	05/01/07	NH25111			
7	22503464	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	PHÁT	27/08/07	NH25111			
8	22501069	LÝ NGUYỄN GIA	PHÚC	18/01/07	NH25111			
9	22502475	LÊ CÔNG	PHỤNG	23/04/07	NH25111			
10	22503021	ĐOÀN VĂN DUY	QUANG	08/02/07	NL25111			
11	22503164	LÊ TRẦN THANH	TÂM	21/05/07	NL25111			
12	22502119	NGUYỄN GIA	THÀNH	07/12/07	NH25111			
13	22501258	TRẦN ĐÀO BẢO	THI	28/12/07	NL25111			
14	22503341	LẠI MINH	TIẾN	15/12/07	NL25111			
15	22500945	NGUYỄN NGỌC TỔ	TỔ	20/11/07	NL25111			
16	22503435	NGÔ HUYỀN	TRÂN	17/04/07	NH25111			
17	22501814	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	26/11/07	NL25111			
18	22500680	TRẦN LÊ ANH	TÚ	04/05/07	NH25111			
19	22503325	HUỲNH NHƯ	Ý	14/11/07	NH25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 2200 – Số hiệu lớp: 3418

Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501396	NGUYỄN TRẦN BẢO	ANH	22/08/07	BL25111			
2	22500258	HỒ THỊ HỒNG	ÂN	24/04/01	NT25111			
3	22502899	LÊ BÙI	BAN	22/07/07	BL25111			Cấm thi
4	22503078	TRƯƠNG MINH GIA	BẢO	09/12/07	BL25111			
5	22503427	YI ZI	CONG	03/01/06	BL25111			
6	22500971	TRỊNH VĨ	CƯỜNG	26/01/07	BL25111			
7	22503133	TRẦN GIA	DANH	08/06/07	BL25111			
8	22501106	TRẦN NGUYỄN PHÚ	ĐỨC	20/12/07	BL25111			
9	22501942	ĐÀO GIA	HÂN	27/07/07	BL25111			
10	22503631	TRƯƠNG HUỲNH HẢI	HUY	15/10/07	BL25111			
11	22501760	PHẠM LÊ	KHANH	03/04/07	BL25111			
12	22500527	ĐOÀN NGUYỄN MINH	KHÔI	06/02/07	BL25111			
13	22502219	VŨ THÀNH	LIÊM	05/08/07	BL25111			
14	22503327	NGUYỄN KHÁNH	LINH	27/06/07	BL25111			
15	22503252	NGUYỄN THUÝ	NGA	24/09/07	BL25111			
16	22500380	CHU BẢO	NGÂN	13/09/04	BL25111			
17	22503280	LÊ NGUYỄN THU	NGÂN	22/05/07	BL25111			
18	22503661	NGÔ KHÁNH	NGỌC	03/12/07	BL25111			
19	22500878	QUANG NGỌC Ý	NHƯ	23/12/07	BL25111			
20	22503169	NGUYỄN PHẠM GIA	PHONG	05/08/07	BL25111			
21	22502351	ĐỖ TRẦN MINH	PHÚC	09/04/07	BL25111			
22	22503231	VÕ TUẤN	QUANG	03/12/07	BL25111			
23	22502582	HỒ KHẮC	TÂM	26/04/07	BL25111			
24	22500561	HUỲNH THỊ MỸ	TIẾN	24/05/07	BL25111			
25	22501323	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	06/03/07	BL25111			Cấm thi
26	22501113	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	01/04/07	BL25111			
27	22500749	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	05/11/07	BL25111			
28	22500205	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	22/09/05	NL25111			
29	22503516	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	02/09/07	BL25111			
30	22503380	TRẦN THỊ MỸ	VY	14/05/07	BL25111			
31	22500698	HUỲNH NHƯ	Ý	11/11/07	BL25111			
32	22503318	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	24/01/07	BL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3600 – Số hiệu lớp: 3427
Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502778	NGUYỄN KHÁNH	AN	27/07/07	TL25111			
2	22502378	PHẠM HUỲNH TRÂM	ANH	12/04/07	TL25111			
3	22500821	HÀ QUANG	BẢO	25/09/06	TL25111			
4	22500093	LỤC KIM	CHI	23/12/90	TL25111			
5	22503057	HUỲNH KHẢI	DOANH	04/12/07	TL25111			
6	22500642	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	DOANH	08/06/07	TL25111			
7	22500234	VŨ THỊ THÙY	DUNG	08/11/00	TL25111			Cấm thi
8	22502405	VŨ NGUYỄN	DUY	03/05/07	TL25111			
9	22503178	DƯƠNG VŨ NGỌC	HÂN	08/09/07	TL25111			
10	22503015	LAİ HOÀNG GIA	HÂN	22/03/07	TL25111			
11	22501702	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	HÂN	07/04/07	TL25111			
12	22503501	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	HIỀN	13/06/03	TL25111			
13	22502976	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	31/03/05	TL25111			
14	22503437	VŨ NGỌC	HUYỀN	25/11/07	TL25111			
15	22502727	TRẦN VĂN	HÙNG	25/03/07	TL25111			
16	22502401	PHẠM NGUYỄN	KHÁNH	25/10/07	TL25111			
17	22501248	LÊ HOÀNG TUẤN	KHẢI	08/03/07	TL25111			
18	22503823	TRƯƠNG VĨ MINH	KHOA	19/02/02	TL25111			
19	22502106	NGÔ QUỲNH	LAM	18/09/06	TL25111			
20	22503033	NGUYỄN NGỌC THÙY	LÂM	20/12/07	TL25111			
21	22500270	NGUYỄN ĐÌNH THỊ HỒNG	LIÊN	12/11/02	TL25111			
22	22500979	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/06/07	TL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3700 – Số hiệu lớp: 3428
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501020	VŨ QUANG THỤY	LINH	18/06/06	MC25111			
2	22503079	BÙI ANH	MINH	25/08/07	TL25111			
3	22503714	PHẠM NGUYỄN THÀNH	NAM	23/07/02	TL25111			
4	22502421	PHẠM PHƯƠNG	NGHI	14/09/07	TL25111			
5	22501199	TRƯƠNG HOÀN TRÚC	NGUYỄN	03/05/07	TL25111			
6	22500372	TRẦN KHÁNH	NHẬT	09/02/06	NT25111			
7	22503411	PHAN THỊ MAI	PHƯƠNG	04/07/07	TL25111			
8	22503627	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	THANH	02/08/02	TL25111			Cấm thi
9	22501393	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	19/11/06	TL25111			
10	22503259	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	27/02/07	TL25111			
11	22501392	TRẦN MAI BẢO	THI	25/09/07	TL25111			
12	22503088	NGUYỄN DANH MINH	THIỆN	24/05/06	TL25111			
13	22502140	DƯƠNG ĐỨC	THỊNH	07/10/07	TL25111			
14	22500448	NGUYỄN HOÀNG MINH	THỨ	06/05/07	TL25111			
15	22501229	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	21/10/07	TL25111			
16	22501356	NGUYỄN LÊ ANH	THY	16/12/07	TL25111			
17	22500200	LƯU KIM	TRANG	11/10/97	TL25111			
18	22500901	NGÔ HUYỀN	TRÂN	02/09/07	TL25111			
19	22500523	PHẠM NGỌC	TRÂM	19/12/07	TL25111			
20	22501633	NGÔ PHAN KHÁNH	TRUNG	03/08/07	TL25111			
21	22500960	NGUYỄN KIM CÁT	TƯỜNG	23/11/07	TL25111			
22	22500695	NGUYỄN TRƯƠNG QUỐC	VƯƠNG	20/09/07	TL25111			
23	22501067	PHẠM TRẦN PHƯƠNG	YẾN	17/07/06	TL25111			
24	22503402	PHÙNG KHẢ	Ý	30/07/07	TL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5900 – Số hiệu lớp: 3438
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500751	LÊ MINH	GÔN	15/11/04	TV251			
2	22501241	PHAN THỊ NGỌC	NGÂN	30/01/07	MC25111			
3	22501303	PHẠM HUỲNH TUYẾT	NGÂN	17/11/07	MC25111			
4	22503424	PHAN YẾN	NGỌC	08/04/07	MC25111			
5	22502496	NGUYỄN LÊ THẢO	NGUYỄN	26/05/07	MC25111			
6	22500479	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	25/05/07	MC25111			
7	22501493	TRẦN CHÂU PHƯƠNG	NGUYỄN	23/10/07	MC25111			Cấm thi
8	22501086	VÕ MINH	NGUYỄN	18/10/05	MC25111			Cấm thi
9	22500760	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHI	24/03/04	MC25111			
10	22502123	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÁT	21/11/07	MC25111			
11	22500568	PHẠM TUẤN	PHONG	30/04/07	MC25111			
12	22501054	PHAN THỊ NHẢ	PHƯƠNG	31/05/06	MC25111			
13	22501011	ĐỖ THỊ KIM	PHƯƠNG	14/06/07	MC25111			
14	22500435	BÙI THỊ THẢO	QUYÊN	11/11/07	MC25111			
15	22500951	NGUYỄN THỊ KIM	QUYÊN	10/03/07	MC25111			
16	22502752	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	23/04/07	MC25111			
17	22503390	NGUYỄN TIẾN	TÀI	30/09/07	MC25111			
18	22501104	PHẠM TẤN	TÀI	12/09/07	MC25111			
19	22502391	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	THẢO	18/08/06	MC25111			
20	22501346	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	11/01/07	MC25111			
21	22500943	NGUYỄN MINH CẨM	THY	07/12/07	MC25111			
22	22501397	NGUYỄN VŨ HỒNG	TIẾN	31/10/07	MC25111			
23	22503407	NGUYỄN THÙY THANH	TRANG	25/01/07	MC25111			
24	22500862	NGÔ TRẦN BẢO	TRÂM	08/10/07	MC25111			
25	22503136	CHU BẢO	TRÂN	01/10/07	MC25111			
26	22503142	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂN	19/01/07	MC25111			
27	22501091	NGUYỄN QUỐC	TRIỆU	30/06/07	MC25111			
28	22503372	NGUYỄN THANH	TRÚC	24/11/06	MC25111			
29	22502504	NGUYỄN PHÚC BẢO	TUẤN	25/12/07	MC25111			
30	22503149	TRỊNH HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	20/09/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6000 – Số hiệu lớp: 3439
Giảng viên: Lê Nguyệt Tú Anh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503204	LÊ VŨ HOÀI	AN	27/10/05	MK25111			
2	22500859	NGUYỄN HÀ XUÂN	AN	19/02/07	MK25111			
3	22503503	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	ANH	23/11/07	MK25111			
4	22503250	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	27/02/07	MK25111			
5	22500406	ĐẶNG PHÚC HỒNG	ÂN	09/02/07	MK25111			
6	22500693	NGUYỄN LÊ VĨNH	ÂN	27/01/07	MK25111			
7	22502337	NGUYỄN HOÀNG BẢO	CHÂU	10/01/07	MK25111			
8	22500619	ĐINH MẠNH	CƯỜNG	30/12/07	MK25111			
9	22501084	NGUYỄN KHƯƠNG	DU	14/10/07	MK25111			
10	22500932	TRỊNH THỊ MỸ	DUNG	15/07/07	MK25111			
11	22501427	NGÔ NGUYỄN NHẬT	DUY	01/01/07	MK25111			
12	22502513	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	DƯƠNG	08/08/07	MK25111			
13	22502169	PHẠM PHƯỚC	ĐẠT	14/08/07	MK25111			
14	22501835	NGUYỄN NGỌC	HÀ	21/12/07	MK25111			
15	22501017	MAI KIM	HẢO	10/07/07	MK25111			
16	22500493	VƯƠNG THỊ	HẢO	21/08/06	MK25111			
17	22501373	TÔ NHẬT	HÂN	02/05/07	MK25111			
18	22503489	ĐẶNG MINH	HIỆU	19/02/06	MK25111			
19	22503295	ĐỖ ĐỨC	HUY	17/05/07	MK25111			
20	22502289	NGUYỄN HUỲNH NHẬT	HUY	26/06/07	MK25111			
21	22500591	TRẦN ĐÌNH GIA	HƯNG	01/05/07	MK25111			
22	22500919	LÊ TRẦN BẢO	KHANG	11/10/07	MK25111			
23	22502210	TRANG SĨ VŨ	KHANG	01/05/07	MK25111			
24	22501399	Y NHUN	KNUL	09/10/07	MK25111			
25	22502064	LÊ NGỌC KHÁNH	LINH	16/11/07	MK25111			
26	22501843	NGÔ THÁI HOÀNG	LINH	14/05/07	MK25111			
27	22501915	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	09/01/07	MK25111			
28	22503206	BÙI TRẦN PHƯƠNG	MINH	15/12/07	MK25111			
29	22503621	PHẠM ĐÌNH GIA	MY	12/11/07	MK25111			
30	22503223	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	01/11/07	MK25111			
31	22501961	GIANG THỊ XUÂN	NGÂN	15/09/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6100 – Số hiệu lớp: 3440
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501200	TẠ HỒ BẢO	NGỌC	27/11/07	MK25111			
2	22501312	NGUYỄN THANH	NHI	21/02/07	MK25111			
3	22500566	TRẦN THỊ NGỌC	NHƯ	23/05/07	MK25111			
4	22501357	HUỲNH NGỌC	PHƯƠNG	30/04/07	MK25111			
5	22500449	NGUYỄN NGỌC NGÂN	QUỲNH	15/10/07	MK25111			
6	22501727	PHAN NGỌC ĐIỂM	QUỲNH	04/07/07	MK25111			
7	22502651	NGUYỄN THANH	SANG	14/11/07	MK25111			
8	22503248	BÙI THANH THY	TÂM	16/12/07	MK25111			
9	22500690	NGÔ HIỀN	THẢO	23/08/07	MK25111			
10	22502248	TRƯƠNG MINH	THẮNG	26/02/07	MK25111			
11	22500944	ĐOÀN ĐIỀU	THIỆN	17/03/07	MK25111			
12	22501543	NGUYỄN ANH	THỨ	06/06/07	MK25111			
13	22500885	NGUYỄN MINH	THỨ	28/07/07	MK25111			
14	22501338	NGUYỄN MINH	THỨ	16/10/07	MK25111			
15	22503122	PHAN ANH	THỨ	06/10/07	MK25111			
16	22500601	TRẦN VÕ ANH	THỨ	06/08/07	MK25111			
17	22501093	TẠ MINH	TOÀN	07/06/04	MK25111			
18	22502853	NGUYỄN NGỌC MINH	TRANG	18/10/07	MK25111			
19	22502358	ĐINH NGỌC NGUYỆT	TRÂM	25/09/07	MK25111			
20	22501666	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	TRÂM	19/12/07	MK25111			
21	22500432	ĐÀO THỊ HUYỀN	TRÂN	30/04/07	MK25111			
22	22503034	TRẦN BẢO	TRÂN	23/06/07	MK25111			
23	22500683	ĐỖ PHƯƠNG	TRINH	01/01/07	MK25111			
24	22500231	TRƯƠNG THỊ CẨM	TRUYỀN	22/02/04	MK25111			
25	22500606	NGUYỄN HUỲNH CẨM	TÚ	20/03/07	MK25111			
26	22501890	NGUYỄN MỘNG TƯỜNG	VÂN	14/12/07	MK25111			
27	22502607	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	10/11/07	MK25111			
28	22502419	TRẦN HOÀNG	YẾN	11/05/07	MK25111			
29	22500873	TRẦN NGUYỆT	YẾN	08/08/05	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2500 – Số hiệu lớp: 3421
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502319	HUỲNH LÊ PHƯƠNG	ANH	20/11/07	EM25111			
2	22503221	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	25/09/07	EM25111			
3	22501097	VÕ PHẠM QUỲNH	ANH	22/08/07	EM25111			
4	22502120	ĐOÀN CÔNG	BẢO	12/10/07	EM25111			
5	22500484	TẶNG BẢO	BẢO	12/11/06	NH25111			Cấm thi
6	22500376	TRẦN HỒ KHÁNH	BĂNG	24/06/07	EM25111			
7	22503317	TRẦN NGỌC TRÚC	ĐAN	13/08/07	EM25111			
8	22500569	HUỲNH NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	29/01/07	EM25111			
9	22503196	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	HÀ	11/12/07	EM25111			
10	22500702	CAO NGỌC	HÂN	24/04/07	EM25111			
11	22501486	HOÀNG QUỐC	HUY	25/10/07	EM25111			
12	22502198	NGUYỄN TUẤN	KHIÊM	03/06/07	EM25111			
13	22500915	HỒ VÕ NGỌC ANH	KHOA	16/04/07	EM25111			
14	22500334	LỮ MON NGA NA	LIN	04/05/05	MC25111			
15	22500010	NGUYỄN QUANG	MINH	07/12/05	TV251			
16	22500605	THÁI HIẾU	NGÂN	18/05/07	EM25111			
17	22500991	LÊ KIM	NGỌC	09/02/07	EM25111			
18	22500338	TRẦN HỮU	NGUYỄN	11/03/03	NT25111			
19	22501507	HUỲNH HỒ UYÊN	NHI	07/03/07	EM25111			
20	22501130	NGUYỄN VÕ Ý	NHƯ	20/04/06	EM25111			
21	22502965	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	02/09/07	EM25111			
22	22501826	TRIỆU NGỌC THANH	PHƯƠNG	24/10/07	EM25111			
23	22500216	TRẦN THÁI	TÂM	26/11/05	TV251			
24	22500825	ĐỖ BỘI	THANH	03/04/07	EM25111			
25	22501307	HÀ VŨ THIÊN	THANH	17/10/07	EM25111			
26	22501316	PHAN DUY	THÁI	23/04/07	EM25111			
27	22501313	DƯƠNG NHẬT ĐAN	THỨ	26/08/07	EM25111			
28	22502413	NGUYỄN ANH	TUẤN	05/11/04	EM25111			
29	22503638	NGUYỄN NGỌC TÚ	UYÊN	09/06/99	EM25111			
30	22501225	NGUYỄN HỮU	VINH	03/01/07	EM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3300 – Số hiệu lớp: 3425
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500853	ĐÌNH NGUYỄN KIỀU	AN	19/10/07	PR25111			
2	22500232	NGUYỄN HUỲNH BẢO	ANH	26/11/06	PR25111			
3	22500265	PHẠM TÂM	ANH	28/03/04	DA25111			
4	22501056	THÁI GIA	ÂN	17/12/07	PR25111			
5	22500679	PHẠM TRẦN DUY	BẢO	30/03/07	PR25111			
6	22500965	HOÀNG MINH	CHÂU	04/09/07	PR25111			
7	22503629	LƯƠNG KHÁNH	DUY	12/03/00	PR25111			
8	22503405	TÔ TRẦN CẨM	HUYỀN	18/01/07	PR25111			
9	22503193	ĐẶNG MINH	KHUÊ	05/06/07	PR25111			
10	22503583	LÊ THƯ	KỶ	23/09/06	PR25111			
11	22501094	PHƯƠNG KHÁNH	LINH	30/03/07	PR25111			
12	22500235	NGUYỄN KHÁNH	LONG	29/11/01	TV251			
13	22502959	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	NGHI	27/12/07	DA25111			
14	22500420	QUAN MÃN	NGHI	11/10/06	DA25111			
15	22500438	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	02/03/06	DA25111			
16	22501089	NGÔ BẢO	NGỌC	19/05/07	PR25111			
17	22503612	LÊ VÕ PHÚC	NGUYỄN	02/11/05	PR25111			Cấm thi
18	22502032	TRẦN THẢO	NGUYỄN	06/04/07	PR25111			
19	22503030	NGUYỄN NGÔ UYÊN	NHÃ	01/01/07	DA25111			
20	22503326	VÕ NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	22/04/07	DA25111			
21	22500379	HOÀNG VĂN	QUANG	03/12/04	LG25111			
22	22502600	NGUYỄN HOÀNG TỔ	QUYÊN	03/08/07	DA25111			
23	22500182	HUỲNH TẤN	SANG	02/09/02	QL25111			
24	22500973	NGUYỄN THANH MINH	TÂM	27/11/07	PR25111			
25	22501737	VÕ MINH	THẢO	11/04/07	PR25111			
26	22503013	LÝ QUỐC	THẮNG	08/12/06	PR25111			
27	22501955	HOÀNG NGỌC BẢO	THY	08/07/07	PR25111			
28	22501112	DƯƠNG THỊ THỦY	TIỀN	22/10/07	DA25111			
29	22500949	TRẦN LÊ THUỶ	TIỀN	25/08/07	PR25111			
30	22501055	ĐÀO MINH	TRANG	03/12/05	PR25111			
31	22500831	NGUYỄN PHÚC BẢO	TRÂN	03/11/07	PR25111			
32	22500195	HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	24/11/05	PR25111			
33	22501154	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	12/01/07	PR25111			
34	22503173	ĐẶNG LÊ KHÁNH	VY	06/05/07	PR25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 3426

Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501158	NGUYỄN NỮ KIỀU	ANH	12/01/07	TC25111			
2	22502318	TRẦN NGÔ MINH	ANH	05/08/07	TC25111			
3	22502503	TRẦN TUẤN	ANH	18/01/07	TC25111			
4	22503181	DƯƠNG HOÀNG	ÂN	16/09/02	TC25111			
5	22502509	TRẦN ĐỨC	DUY	30/06/07	TC25111			
6	22501152	MAI LÊ	DƯƠNG	24/11/07	TC25111			
7	22502063	NGUYỄN GIA	HÂN	06/05/07	TC25111			
8	22500582	LÊ DƯƠNG HUỖNH	HƯƠNG	06/08/07	TC25111			
9	22500757	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	16/11/07	TC25111			
10	22501567	PHẠM LÊ ĐĂNG	KHOA	04/12/07	TC25111			
11	22502962	TỪ NGỌC	KHÔI	30/06/07	KS25111			
12	22503270	MẠCH TUẤN	KIỆT	28/10/07	TC25111			
13	2196593	NGUYỄN THANH TRÚC	LAM	22/10/01	TL1911			
14	22502913	ĐỖ NGUYỄN GIA	LINH	28/11/07	TC25111			
15	22500694	LUYỆN LÊ HÂN	LY	30/07/07	TC25111			
16	22503586	HỒ GIA	MINH	25/04/01	TC25111			
17	22503264	TẶNG SỞ	MY	05/09/07	TC25111			
18	22502549	HÀ MINH	NGỌC	25/12/07	TC25111			Cấm thi
19	22503454	VÕ KIM	NGỌC	08/11/07	TC25111			
20	22500687	ĐINH NGUYỄN THÀNH	NHÂN	24/11/07	TC25111			
21	22500793	LÊ THỊ YẾN	NHI	16/03/07	TC25111			Cấm thi
22	22503176	HỒ NGUYỄN TRÚC	QUỖNH	18/02/07	TC25111			
23	22502470	NGUYỄN THANH	SƠN	15/01/07	TC25111			
24	22205610	HỒ XUÂN	THỊNH	14/09/02	NT22111			
25	22500967	NGUYỄN MINH	THY	10/12/07	TC25111			
26	22503392	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	20/01/07	TC25111			
27	22503813	HUỖNH THỊ THỦY	TRINH	16/08/04	TC25111			
28	22503445	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TUYỀN	10/05/06	TC25111			Cấm thi
29	22503246	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	UYÊN	02/12/07	TC25111			
30	22503237	HÀ TRIỆU	VY	01/12/07	TC25111			
31	22501018	MAI NGUYỄN HÀ	VY	05/09/07	TC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3800 – Số hiệu lớp: 3429
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501162	TRẦN LÊ KHÁNH	AN	27/10/07	TN25111			
2	22501173	DƯƠNG THỊ LAN	ANH	03/05/06	TK251			
3	22501134	PHAN NGỌC QUỲNH	ANH	26/09/06	TK251			
4	22500603	LÊ NGỌC BẢO	ÁI	26/01/07	DA25111			
5	22503553	TRẦN VĂN	BẢO	28/03/06	TK251			
6	22500404	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	30/12/06	TK251			
7	22500600	TẶNG HỮU	DUY	26/11/07	DA25111			
8	22500239	LÊ MỸ	DUYÊN	10/02/06	DA25111			
9	22500018	TRẦN PHÚC NGỌC CHÂU	HÂN	15/09/04	TV251			
10	22503175	TRƯƠNG GIA	HUY	08/04/07	TN25111			
11	22501368	TRƯƠNG QUANG	HUY	26/03/07	TK251			
12	22502986	LÊ NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	23/12/07	TN25111			
13	22500847	LÊ TRẦN MINH	KHÔI	22/11/07	TK251			
14	22500886	VŨ ĐÌNH	KHÔI	23/03/06	DA25111			
15	22503811	VŨ ĐỨC ANH	KHÔI	09/01/07	EC25111			
16	22501144	NGUYỄN TRẦN NGỌC	KHUYỀN	04/12/06	DA25111			
17	22501862	NGUYỄN LÊ NGỌC THIÊN	KIM	25/08/07	TK251			
18	22500929	TRẦN THỨC ANH	KIM	27/09/07	TN25111			Cấm thi
19	22501009	TRẦN NGỌC THẢO	LINH	15/04/07	DA25111			
20	22500918	TRẦN NHÃ	LY	07/05/07	DA25111			
21	22503089	VÕ ĐÔNG PHƯƠNG	NAM	25/08/06	DA25111			
22	22503116	SẦM LÊ KIỀU	NGÂN	18/06/07	TN25111			
23	22501168	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG	NGHI	10/11/07	TN25111			
24	22500562	TRẦN MỸ	NGỌC	11/03/05	TK251			
25	22500384	NGUYỄN MINH	PHÁT	23/06/03	TK251			
26	22500804	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	16/07/05	TN25111			
27	22403190	DƯƠNG GIA	THỊNH	22/01/01	DK24111			
28	22503067	HUYỀN NGỌC BẢO	THỤY	10/07/07	TN25111			
29	22501156	ĐÌNH NGUYỄN ĐOAN	TRANG	16/04/06	TK251			
30	22503697	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	06/11/07	TK251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3900 – Số hiệu lớp: 3430
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503192	NGUYỄN HỒ KIM	ANH	15/03/07	DL25111			
2	22500506	NGUYỄN	BIN	01/11/06	DL25111			
3	22501281	HOÀNG KIM	DUNG	12/11/06	DL25111			
4	22503283	ĐẶNG NGỌC GIA	HÂN	12/01/07	DL25111			
5	22501160	ĐẶNG QUANG	HIẾU	21/07/07	DL25111			
6	22501000	TRẦN MINH	HIẾU	07/12/07	DL25111			
7	22501715	PHAN QUỐC	HUY	25/09/05	DL25111			
8	22500425	HUYỀNH ĐĂNG	KHOA	26/12/07	DL25111			
9	22503436	NGUYỄN TRẦN ANH	KHOA	13/06/03	DL25111			
10	22501736	NGUYỄN PHI	LONG	03/12/07	DL25111			
11	22501005	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	LONG	28/04/07	DL25111			
12	22503404	DƯƠNG HOÀNG	MINH	01/05/07	DL25111			
13	22502449	TRẦN QUANG	MINH	03/12/07	DL25111			
14	22503124	CHÂU NGỌC HẢI	MY	13/06/07	DL25111			
15	22503394	HỒ HẢI	NGUYỄN	06/04/07	DL25111			
16	22501232	NGUYỄN THỊ AN	NHÀN	19/04/07	DL25111			
17	22500696	THÁI XUÂN	NHƯ	16/11/07	DL25111			
18	22502807	NGUYỄN XUÂN	PHONG	23/09/07	DL25111			
19	22501712	MAI TRẦN THANH	PHƯƠNG	03/08/07	DL25111			
20	22502262	PHẠM ĐẮC MINH	QUỐC	04/09/07	DL25111			
21	22503686	MẠC HUỲNH THANH	TÂM	09/06/07	DL25111			
22	22500962	NGUYỄN SỸ	TÂN	30/06/03	DL25111			
23	22503091	ĐẶNG THANH	THUẬN	23/01/07	DL25111			
24	22501068	PHẠM MỸ	TIẾN	05/12/07	DL25111			
25	22501853	ĐỖ BẢO	TRÂM	29/08/07	DL25111			
26	22503846	LÝ CẨM	TÚ	08/06/03	TV251			
27	22503290	LÂM NHƯ	Ý	28/10/07	DL25111			
28	22503484	LÊ THỊ NHƯ	Ý	25/04/06	DL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 4500 – Số hiệu lớp: 3431

Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500640	TẠ NGUYỄN QUYỀN	AN	08/10/07	DK25111			
2	22502350	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	ANH	17/12/07	DK25111			
3	22503494	LÊ TUẤN	ANH	03/01/06	DK25111			
4	22500739	PHAN PHƯƠNG	ANH	12/09/07	DK25111			
5	22500196	NGUYỄN CHÍ	BẢO	06/12/04	DK25111			Cấm thi
6	22500272	CAO LÂM NGỌC	CHÂU	10/12/97	DK25111			
7	22501296	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	01/08/07	DK25111			
8	22503599	VŨ CHÍ	CÔNG	19/10/05	DK25111			
9	22502597	NGUYỄN HOÀNG	DUSA	19/07/07	DK25111			
10	22502242	NGUYỄN ĐẠI BẢO	GIA	23/11/07	DK25111			
11	22501007	QUÁCH QUANG	HUY	19/11/07	DK25111			
12	22500978	CAO QUỐC	HÙNG	26/04/07	DK25111			
13	22500215	LÊ VĨNH	KHANG	28/07/05	DK25111			
14	22500718	NGUYỄN BÁ PHÚC	KHÁNH	02/09/07	DK25111			
15	22502924	VŨ ANH	KHOA	28/09/07	DK25111			
16	22502994	HÀ THỊ NGỌC	LINH	28/12/07	DK25111			
17	22500904	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGÂN	18/10/07	DK25111			
18	22502963	CAO MINH	NGỌC	21/01/07	DK25111			
19	22501472	HUỲNH ĐOÀN PHƯƠNG	NGỌC	25/06/07	DK25111			
20	22500647	NGUYỄN LÊ MINH	NGUYỆT	17/02/05	DK25111			
21	22501347	CHÂU THẢO	NGUYỄN	23/04/07	DK25111			
22	22503242	NGUYỄN NỮ VĨ	NHI	11/01/07	DK25111			
23	22501169	NGUYỄN TẤN	PHÁT	09/04/07	DK25111			
24	22501166	PHÙNG NGỌC NAM	PHƯƠNG	31/12/07	DK25111			
25	22500655	LA NGHĨA	QUÍ	21/05/07	DK25111			
26	22501208	QUẦN NGỌC	QUYÊN	07/10/07	DK25111			
27	22500436	NGUYỄN TRẦN TRUNG	TÍN	22/11/07	DK25111			
28	22502083	NGUYỄN LÊ ANH	TRÚC	06/04/07	DK25111			
29	22500912	PHẠM HỮU ANH	TUẤN	17/12/05	DK25111			Cấm thi
30	22500809	HUỲNH VĨNH	TƯỜNG	17/12/07	DK25111			
31	22500604	NGUYỄN KHÁNH	VY	12/08/07	DK25111			
32	22501024	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	03/12/07	DK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6700 – Số hiệu lớp: 3443
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501433	ĐỖ NHẬT	ANH	25/06/07	QL25111			
2	22501111	HOÀNG HỮU TUẤN	ANH	30/12/07	QL25111			
3	22503582	NGUYỄN ĐỨC	ANH	04/09/07	QL25111			
4	22503260	PHẠM QUANG	ANH	01/06/07	QL25111			
5	22503102	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	18/09/07	QL25111			
6	22500076	TRẦN GIA	BẢO	25/08/05	QL25111			
7	22501277	TÔ PHẠM HỮU	BẰNG	05/03/07	QL25111			
8	22503822	HUYỀN MINH	DŨNG	22/12/05	PM25111			
9	22501148	NGUYỄN TẤN	DŨNG	04/06/07	QL25111			
10	22503669	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	03/07/07	PM25111			
11	22502465	NGUYỄN HỮU MINH	ĐẠI	10/09/07	QL25111			
12	22503674	TRẦN THÀNH	ĐẠT	27/06/07	PM25111			
13	22503808	TRẦN KHẢ	HÀO	01/03/05	PM25111			
14	22503022	LÝ SỞI	HẰNG	01/01/07	QL25111			
15	22502466	NGUYỄN GIA	HOÀNG	20/12/07	QL25111			
16	22500058	NGUYỄN VŨ NGỌC	HOÀNG	24/10/04	QL25111			
17	22501394	LƯU ĐỨC	HÒA	07/04/07	QL25111			
18	22500846	HỒ NGỌC	HUY	10/04/07	PM25111			
19	22500529	TRẦN PHAN QUANG	HUY	07/02/07	QL25111			
20	22500941	NGUYỄN DUY	KHÁNH	01/05/07	QL25111			
21	22503312	NGUYỄN GIA	KHIÊM	07/05/07	QL25111			
22	22500453	TRẦN MINH	KHOA	11/11/07	QL25111			
23	22502168	SỖ CHÍ	KHÔI	05/10/07	PM25111			
24	22503819	NGUYỄN MINH	KHÔI	13/03/02	PM25111			
25	22500717	LƯU DOÃN	KHUÊ	06/06/07	QL25111			
26	22500417	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	LINH	31/08/05	QL25111			
27	22503812	TRẦN NGUYỄN KIM	LONG	05/08/07	PM25111			
28	22501305	NGUYỄN HỒ MỸ	NGỌC	08/09/07	QL25111			
29	22502142	LỮ VĨNH	NGUYỄN	31/05/07	QL25111			
30	22503355	VĂN ĐÌNH	NHẬT	15/12/02	QL25111			
31	22500765	VÕ YẾN	NHI	04/12/07	QL25111			
32	22500525	NGUYỄN HỮU	PHÁT	29/08/06	QL25111			
33	22502996	HUYỀN GIA	PHÚ	09/08/07	QL25111			
34	22500535	NGUYỄN NHỰT HOÀNG	PHÚC	10/09/07	QL25111			
35	22502266	DƯ TẤN	QUANG	06/04/07	PM25111			
36	22502471	HOÀNG NHẬT	QUANG	08/08/07	PM25111			
37	22501635	NGUYỄN THANH	SIÊU	15/10/05	QL25111			
38	22502208	TRẦN VĂN	TÂM	06/01/07	PM25111			
39	22502505	LÊ HOÀNG NHẬT	TÂN	28/06/07	QL25111			
40	22503806	LƯU NGUYỄN QUỐC	TÂN	18/03/07	PM25111			
41	22502612	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TẤN	02/12/07	QL25111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22500953	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TRANG	03/10/06	QL25111			
43	22501588	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	09/08/07	QL25111			
44	22503005	HỒ BẢO MINH	TRIẾT	23/06/07	QL25111			
45	22503809	PHẠM ANH	TÚ	09/08/07	PM25111			
46	22501318	PHAN THANH	VIỆT	19/08/07	QL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7100 – Số hiệu lớp: 3445
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503166	NGUYỄN LÊ ĐỨC	ANH	18/10/07	TV251			
2	22500850	NGUYỄN THỊ TRÚC	ANH	11/06/07	TV251			
3	22501250	TRẦN QUỐC	ANH	11/06/07	TV251			
4	22501090	VÕ NGỌC THIÊN	ÂN	07/02/07	TV251			
5	22500750	PHẠM CÔNG	BÚT	26/11/07	TV251			
6	22503444	HUỲNH ANH	CƯỜNG	20/02/07	TV251			
7	22500805	LÊ MẠNH	CƯỜNG	08/12/07	TV251			
8	22500643	TRƯƠNG NGỌC	DUNG	07/10/07	TV251			
9	22502665	NGUYỄN HOÀNG ANH	DUY	04/04/07	TV251			
10	22502591	PHẠM NHẬT LÂM	DUY	02/11/07	TV251			
11	22500189	NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	04/11/02	TV251			
12	22502041	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	16/10/07	TV251			
13	22500830	TRẦN THANH	ĐĂNG	25/09/07	TV251			
14	22500942	PHẠM PHÚ	ĐỨC	04/10/07	TV251			
15	22500888	TRẦN THIÊN	ĐỨC	08/07/07	TV251			Cấm thi
16	22500607	LÊ THANH	HOÀNG	06/10/07	TV251			
17	22500502	HUỲNH QUỐC	HUY	18/10/07	TV251			
18	22503838	HUỲNH QUỐC	HUY	04/11/04	TV251			
19	22503403	LÊ QUANG	HUY	14/01/07	TV251			Cấm thi
20	22503096	LÝ QUỐC	HUY	12/03/07	TV251			
21	22501273	TRƯƠNG ĐÌNH	HUY	19/05/07	TV251			Cấm thi
22	22503526	HOÀNG	KHANG	15/11/05	TV251			
23	22500858	NGUYỄN DUY	KHÁNH	24/10/07	TV251			
24	22500764	TRỊNH ANH	KHOA	15/05/07	TV251			
25	22500550	LÊ MINH	KHÔI	04/11/06	TV251			
26	22503413	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	15/09/07	TV251			
27	22501295	NGUYỄN HỒNG THIÊN	KIM	20/08/07	TV251			
28	22501146	ĐỖ MẠNH	LAI	26/11/07	TV251			
29	22500714	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LÂM	19/02/07	TV251			
30	22501419	NGUYỄN HOÀNG	LINH	10/11/07	TV251			
31	22503218	NGUYỄN TIỂU	LONG	16/12/07	TV251			
32	22503665	TRIỆU GIA	MINH	26/05/06	TV251			Cấm thi
33	22503567	TRẦN NHẬT TUYẾT	NGÂN	28/09/05	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 1 (GE004DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7200 – Số hiệu lớp: 3446
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 10/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503607	LÊ CÔNG	KHANG	05/01/07	TV251			
2	22501539	NGUYỄN THỊ THÚY	MAI	10/12/07	TV251			
3	22500563	PHƯƠNG KIỀU	MAI	25/09/07	TV251			
4	22501698	NGUYỄN NGỌC THU	MINH	14/12/07	TV251			
5	22500325	PHẠM QUỐC	MINH	08/12/04	TV251			
6	22501906	THÁI HUỆ	MINH	05/09/07	TV251			
7	22502872	TRƯƠNG NGUYỄN ĐIỂM	MY	03/02/07	NT25111			Cấm thi
8	22501353	NGUYỄN THẾ	NAM	25/03/07	TV251			
9	22500720	CAM KIM	NGÂN	09/08/07	TV251			
10	22503069	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	05/01/03	TV251			
11	22503131	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	NGHI	17/11/07	TV251			
12	22503483	LÂM YẾN	NGỌC	17/06/07	TV251			
13	22500497	NGUYỄN VÕ KHÁNH	NGỌC	11/10/06	TV251			
14	22501013	LƯƠNG PHỤNG	NHI	27/11/07	TV251			
15	22501108	TRƯƠNG HỒNG	NHUNG	07/10/07	TV251			
16	22502115	TẶNG ĐÌNH	PHÚ	12/10/07	TV251			
17	22500542	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	02/06/07	TV251			
18	22501298	ĐỖ NGỌC HOÀI	PHƯƠNG	05/06/07	TV251			
19	22503410	THỊNH THỊ LAN	PHƯƠNG	01/07/05	TV251			
20	22501028	QUÁCH ĐẠT	PHƯỚC	26/04/06	TV251			
21	22502679	LÊ MINH	QUÂN	19/05/07	TV251			
22	22501993	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	TÂM	04/08/07	TV251			
23	22502668	NGUYỄN HOÀNG	THANH	25/02/07	TV251			
24	22500584	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/08/07	TV251			
25	22501271	LÊ QUỐC	THỊNH	11/11/07	TV251			
26	22501398	VŨ THỊ MAI	TRANG	20/02/07	TV251			
27	22503518	TUNET NAI	TRIỀU	15/08/07	TV251			Cấm thi
28	22502409	NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	19/06/07	TV251			
29	22501140	NGUYỄN NGỌC ANH	TUẤN	20/04/07	TV251			
30	22501772	HUYỀN NGỌC NHÃ	UYÊN	02/04/07	TV251			
31	22503071	BÙI HÀ TIỂU	VI	17/04/07	TV251			
32	22503331	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG	VY	21/12/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1600 – Số hiệu lớp: 3690
Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500849	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	18/12/07	MC25111			
2	22501931	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	28/05/07	MC25111			
3	22500766	PHẠM NAM	ANH	10/04/07	LG25111			
4	22502533	Y THOA	APUÔT	30/11/07	MC25111			
5	22501761	NGUYỄN PHÚC THANH	BÌNH	29/04/07	MC25111			
6	22503108	NGUYỄN MINH	CHÂU	31/05/07	LG25111			
7	22500843	HỒ NGUYỄN KIM	CHI	05/01/07	MC25111			
8	22503492	LƯU NGUYỄN KIM	DUNG	07/05/07	MC25111			
9	22502783	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	05/06/07	MC25111			
10	22503026	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	14/08/07	MC25111			
11	22501284	PHẠM NGỌC	HÂN	06/02/07	LG25111			
12	22502907	LÂM HUỖNH	HOA	12/10/07	MC25111			
13	22501147	DƯƠNG QUỐC	HÙNG	30/10/07	LG25111			
14	22001318	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	30/08/02	KS20111			
15	22500854	TRẦN HỒNG	HƯNG	03/12/07	LG25111			
16	22502348	NGUYỄN TUẤN	KHANG	12/07/07	LG25111			
17	22503132	NGUYỄN CAO	KỶ	30/03/07	MC25111			
18	22503121	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	LINH	19/05/07	MC25111			
19	22503321	NGUYỄN MAI HOÀNG	LỘC	02/10/07	MC25111			
20	22500891	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	MAI	09/12/07	MC25111			
21	22503112	TRẦN NGỌC TRÀ	MY	03/07/07	MC25111			
22	22501887	CHUNG MỸ	NGA	09/10/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1600 – Số hiệu lớp: 3690
Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503053	VŨ NGỌC BẢO	NGÂN	29/06/07	MC25111			
2	22503043	HỒ THỊ BÍCH	NGỌC	08/06/07	MC25111			
3	22500705	LÊ BẢO	NGỌC	15/06/07	MC25111			
4	22500509	LƯƠNG MỸ	NGỌC	23/11/07	MC25111			
5	22503219	TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN	NGỌC	12/12/07	MC25111			
6	22500931	VƯƠNG UYỄN	NHÃ	24/10/07	MC25111			
7	22503087	NGÔ NGỌC MINH	NHƯ	18/05/07	MC25111			
8	22500599	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	06/11/07	MC25111			
9	22503425	TRẦN KHẢ	NHƯ	20/12/07	MC25111			
10	22500930	VƯƠNG UYỄN	NHƯ	24/10/07	MC25111			
11	22501630	DƯƠNG GIA	PHÚ	15/11/07	MC25111			
12	22012123	CHÂU KIM	PHỤNG	09/04/02	TC20111			
13	22503151	ĐƯỜNG BẢO HOÀNG	PHƯƠNG	11/07/07	MC25111			
14	22500974	NGUYỄN PHÚ	QUỲ	25/10/07	MC25111			
15	22502098	AMI	ROH	12/11/06	MC25111			
16	22500046	LIỀNG ĐỨC	THỊNH	15/09/03	DM25111			
17	22502087	LÊ HUỲNH MINH	THƯ	11/03/07	MC25111			
18	22501617	HỒ GIA	THY	12/12/07	MC25111			
19	22503243	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	22/10/07	MC25111			
20	22501596	ĐÀO THỊ MỸ	TRÌNH	05/12/07	MC25111			
21	22502902	PHAN NGUYỄN TƯỜNG	VI	01/05/07	MC25111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 3691
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503449	ĐOÀN THỊ THÚY	AN	19/03/06	KS25111			
2	22500443	LÊ THỊ TÚ	ANH	28/08/07	LW25111			
3	22502360	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	23/07/07	LW25111			
4	22503253	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ÂN	30/07/07	LW25111			
5	22500552	TRƯƠNG QUẾ	CHI	19/12/07	KS25111			
6	22502132	CAO THÀNH	ĐẠT	06/12/07	KS25111			
7	22502650	LÂM ANH	ĐỨC	08/04/07	EC25111			
8	22501538	LÂM KHÁNH	HÂN	28/10/07	KS25111			
9	22501730	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	27/07/07	EC25111			
10	22500427	NGUYỄN LÊ XUÂN	HIẾU	13/12/07	NT25111			
11	22503302	TRẦN PHẠM DIỆU	HIỀN	05/10/07	KS25111			
12	22501141	PHẠM NHẬT MINH	HOÀNG	23/12/07	KS25111			
13	22503432	VÕ NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	15/01/07	KS25111			Cấm thi
14	22501733	HỒ NHƯ PHƯƠNG	KHANH	10/11/07	LG25111			
15	22500922	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANH	22/01/07	KS25111			
16	22501400	PHẠM HIỀN	KHANH	05/10/07	LW25111			
17	22502126	TIÊU NGUYỄN	KIM	23/08/07	LW25111			
18	22501782	TRẦN HOÀNG	KIM	29/09/07	KS25111			
19	22500762	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAN	26/10/07	LW25111			
20	22502635	NGUYỄN BÁ	LÂM	14/08/07	KS25111			
21	22502415	TRƯƠNG PHAN THỊ BÍCH	LIỄU	24/05/07	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 3691
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503373	NGUYỄN ÁNH	LINH	09/04/07	LW25111			
2	22500939	PHẠM NGỌC THÙY	LINH	30/07/07	KS25111			
3	22501244	ĐẶNG KINH	LUÂN	06/09/07	KS25111			
4	22500441	LƯU THỊ KIỀU	MI	16/02/07	LG25111			
5	22502516	NGUYỄN NGỌC	MINH	03/11/07	LW25111			
6	22500624	TRẦN ĐOÀN HÀO	NAM	05/12/07	LG25111			
7	22503182	LƯƠNG KHÁNH	NGỌC	01/11/07	LW25111			
8	2194001	TRỊNH TUYẾT	NHI	13/02/01	MK19111			
9	22500842	NGUYỄN HOÀNG	PHI	07/08/07	LG25111			
10	22503460	NGÔ MỸ	PHỐI	21/09/07	KS25111			
11	22502554	HOÀNG GIA	PHÚ	18/11/07	KS25111			
12	2194485	LÂM KIM	QUANG	30/04/01	TC19112			
13	22500868	HUỲNH MINH	TÂM	31/03/07	KS25111			
14	22503097	PHẠM PHÚC	THẢO	17/04/07	LW25111			
15	22503507	QUÁCH NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	20/07/07	KS25111			
16	22502080	PHÙNG THỊ THU	THỦY	18/03/07	KS25111			
17	22503354	NGUYỄN BÍCH	TRÂM	13/03/07	LW25111			
18	22502847	HÀ NGUYỄN ANH	TUẤN	02/02/07	KS25111			
19	22501480	HUỲNH THÁI	TUẤN	04/06/07	LW25111			
20	22503244	DƯƠNG BIÊN HẠ	VY	28/03/07	KS25111			
21	22503366	DƯƠNG LÊ KHÁNH	VY	03/11/07	LW25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 3451
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503580	NGUYỄN XUÂN	AN	29/01/07	LG25111			
2	22500410	HUỖNH TRẦN KIM	ANH	07/10/07	DM25111			
3	22005346	VÕ NGỌC GIA	ÂN	02/04/02	TL20111			
4	22502981	LÊ NGUYỄN THUỖ	DƯƠNG	07/05/07	DM25111			
5	22501780	BÙI HƯƠNG	GIANG	19/10/07	DM25111			
6	22501764	NGUYỄN MAI NHƯ	HẠ	07/12/07	DM25111			
7	22503605	VÕ VIỆT	HOÀNG	12/06/06	EC25111			
8	2193120	NGUYỄN NGỌC	HUÂN	30/04/01	MK19112			
9	22501705	NGUYỄN QUỐC	HUY	06/02/07	DM25111			
10	22101334	TRẦN NGỌC	HUY	10/02/03	NT21111			
11	2199138	CHÂU CHÍ	KHANG	30/03/01	KS19112			
12	22503062	TRẦN NGUYỄN	KHANG	24/10/07	DM25111			
13	22501934	NGÔ MỸ	KHANH	18/06/07	DM25111			
14	22502793	VŨ LINH	KIỆT	27/05/07	DM25111			
15	22503127	DƯƠNG TÚ	LÊ	21/08/07	EC25111			
16	2194165	VÕ THỤY ÁNH	LINH	29/12/01	MK19112			
17	22502594	TRỊNH HỒNG THẢO	NGUYỄN	02/05/07	DM25111			
18	22205123	VŨ NGUYỄN THANH	NHƯ	28/04/04	NT22111			
19	22502167	DƯƠNG GIA	PHÚC	22/09/07	LG25111			
20	22502664	NGUYỄN HÙNG HOÀNG	PHÚC	12/02/07	DM25111			
21	22502923	PHẠM HOÀNG	PHÚC	16/10/07	LG25111			
22	22501006	PHẠM THÁI HOÀNG	PHÚC	10/10/07	EC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 3451
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22006522	TRƯƠNG THÁI	PHỤNG	11/11/02	TC20111			
2	22503428	ĐẶNG HỒNG	PHƯƠNG	21/11/07	DM25111			
3	22503415	PHAN LÊ KỲ	PHƯƠNG	17/02/07	DM25111			
4	22503125	TRẦN MINH	QUANG	29/12/07	DM25111			
5	22500980	NGUYỄN MINH	QUÂN	03/10/07	DM25111			
6	22502370	LÊ NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/12/07	LG25111			
7	22002230	HOÀNG MINH	TÂM	14/02/02	TL20111			
8	22503232	NGUYỄN NHẬT	THÀNH	07/04/07	DM25111			
9	2191065	TRẦN VĂN	THÀNH	04/02/01	MK19112			
10	22500439	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	09/11/07	LG25111			
11	22500574	VÕ THỊ NGỌC	THẢO	24/11/07	LG25111			
12	22501065	TRẦN HOÀNG	THỊNH	28/10/07	LG25111			
13	22502024	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	19/07/07	DM25111			
14	22500715	CAO HỒ ANH	THƯ	05/11/07	DM25111			
15	22000195	NGUYỄN THỊ HOÀI	TRANG	24/05/02	TT20111			Cấm thi
16	22502316	QUẢNG THỊ YẾN	TRANG	04/08/07	DM25111			
17	22502034	DƯƠNG NGỌC	TRINH	01/03/07	DM25111			
18	22502355	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	19/02/07	DM25111			
19	22503203	ĐỖ PHƯƠNG	VI	03/04/07	DM25111			
20	22500727	ONG HÁN	VINH	12/04/07	DM25111			
21	22501521	CAO THÚY	VY	27/07/07	DM25111			
22	22503076	LÊ NGUYỄN XUÂN NHƯ	Ý	13/02/07	DM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5800 – Số hiệu lớp: 3453
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2192173	ĐẶNG VÕ DUY	ANH	21/04/01	MK19111			
2	22012003	LÊ NGUYỆT	ÁNH	07/03/01	TK20121			
3	22503281	TRẦN GIA	BỘI	03/01/07	NT25111			
4	22501171	LIUU	DANH	24/04/07	NT25111			Cấm thi
5	22500928	NGUYỄN BÁ	DƯƠNG	28/08/07	NT25111			
6	22503482	CHÂU BẰNG THANH	HÀ	04/01/07	TT25111			
7	22503064	PHẠM HOÀNG MỸ	HẠNH	14/06/07	TT25111			
8	22501184	NGUYỄN NGỌC	HÂN	03/10/07	NT25111			
9	22502709	NGUYỄN THỊ	HIỀN	04/11/07	NT25111			
10	22011019	PHẠM TRỌNG	HIẾU	25/05/02	TK20121			Cấm thi
11	22503337	PHAN QUỐC	HƯNG	20/01/07	NT25111			
12	22500722	PHẠM HỒNG	KHÁNH	08/12/07	NT25111			
13	22503369	LÊ CHÍ	KIÊN	27/11/07	TT25111			
14	22503540	TẠ PHƯỚC	LÂM	24/08/07	NT25111			
15	22000861	PHẠM ĐỨC	LONG	10/05/00	FB20121			
16	22501132	TRẦN	NGHĨA	20/04/07	NT25111			
17	22500992	NGUYỄN THỊ PHI	NHÂN	01/09/07	NT25111			
18	22503534	TÔ THƯ	NHÃ	30/03/07	NT25111			
19	22501735	LÊ THỊ YẾN	NHI	28/07/06	NT25111			
20	22503320	QUÁCH BẢO	NHI	21/12/07	NT25111			
21	22501785	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	13/05/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5800 – Số hiệu lớp: 3453
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501948	NGUYỄN THANH	PHÚC	29/08/07	TT25111			
2	22501786	TRẦN NGUYỄN	THẢO	23/12/07	EC25111			
3	22503351	NGUYỄN LÊ HOÀI	THƯƠNG	17/05/07	NT25111			
4	22502960	NGUYỄN VÕ HOÀI	THƯƠNG	17/11/07	EC25111			
5	22501842	NGUYỄN NỮ THẢO	TRANG	26/02/07	LG25111			
6	22502013	CHÂU NGỌC	TRÀ	10/04/07	NT25111			
7	22502004	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÀ	04/07/07	LG25111			
8	22503200	PHAN PHÚ	TRỌNG	24/11/07	LG25111			
9	2198271	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	07/06/01	TV19111			
10	22500267	TRẦN THÔNG	TUỆ	11/01/05	LG25111			
11	22500795	TRẦN NGỌC CÁT	TƯỜNG	16/04/07	NT25111			
12	22500983	ĐẶNG THÚY	UYÊN	13/12/07	NT25111			
13	22503155	NGUYỄN HOÀNG	UYÊN	26/10/06	LG25111			
14	22006218	CAO THUY YẾN	VI	27/01/02	TK20121			
15	22503009	CAO Ý	VY	10/11/07	NT25111			Cấm thi
16	22503118	CHUNG KHÁNH	VY	26/10/07	NT25111			
17	22502850	DƯƠNG TƯỜNG	VY	25/10/07	LG25111			
18	22503159	LÊ KHÁNH	VY	04/05/07	LG25111			
19	22501206	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	11/09/07	NT25111			
20	22502701	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	23/08/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1900 – Số hiệu lớp: 3692
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501893	CAO NGỌC THANH	AN	17/09/07	BL25111			
2	2190270	BÙI HOÀNG	ANH	21/03/00	TT19112			Cấm thi
3	22501830	LÊ QUỲNH	ANH	12/04/07	NL25111			
4	22501331	LƯU THÁI	BẢO	24/10/07	NL25111			
5	22503168	NGUYỄN MINH	CHÂU	06/02/07	BL25111			
6	22503336	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	13/10/07	FT25111			
7	22503364	TRƯƠNG MINH KỲ	DUYÊN	31/10/07	KT25111			
8	22503531	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	23/11/07	KT25111			
9	22014438	NGUYỄN QUANG	ĐỊNH	02/04/02	NL20111			
10	2192215	LÝ VĨNH	ĐUỜNG	18/04/01	MK19111			
11	22500981	PHẠM ĐỨC	HÀ	08/12/07	BL25111			
12	22502232	ĐỖ VŨ DUY	HẢI	09/01/07	NL25111			
13	22501973	BÙI PHẠM GIA	HÂN	19/02/07	KT25111			
14	22008220	TRẦN GIA	HÂN	27/06/02	DM20111			
15	22502898	TRẦN NGỌC BẢO	HÂN	26/01/07	MC25111			
16	22503479	ĐỖ THỊ BÍCH	HẰNG	05/08/07	FT25111			
17	22502743	NGUYỄN MINH	HIỀN	20/11/07	NL25111			
18	22501205	HỒNG GIA	HUY	30/08/07	BL25111			
19	22503542	LÊ MINH	HUY	05/03/07	FT25111			
20	22503254	NGUYỄN THỊ THÚY	HUYỀN	04/01/07	BL25111			
21	22501001	LƯƠNG GIA	KHANG	30/03/07	BL25111			
22	22003475	PHẠM VŨ	KHÁNH	19/09/02	DM20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1900 – Số hiệu lớp: 3692
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502327	TẠ PHƯƠNG	LINH	23/05/07	NL25111			
2	22500927	PHÙNG NGÔ HOÀNG	LỘC	10/11/07	NL25111			
3	22503274	ĐẶNG LÊ KIM	NGÂN	16/11/07	NL25111			
4	22501777	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	29/08/07	KT25111			
5	22503422	HUYỀN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	22/12/07	BL25111			
6	22502192	HOÀNG TRỌNG	NHÂN	29/05/07	BL25111			
7	22503505	TRẦN DUY PHƯƠNG	NHI	28/12/07	BL25111			
8	22114593	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	12/07/03	DM21111			
9	22500393	DƯƠNG HOÀNG	PHÚC	23/05/07	FT25111			
10	22503215	NGUYỄN GIA	PHÚC	02/09/07	BL25111			
11	22500783	BÙI HÀ LINH	PHƯƠNG	14/03/06	KT25111			
12	22502904	NGUYỄN NGỌC BẢO	PHƯƠNG	18/12/07	BL25111			
13	22503467	NGUYỄN ĐÌNH	TÂN	24/05/07	KT25111			
14	22500982	HỒ ANH	THẢO	03/11/07	NL25111			
15	2195272	NGUYỄN THỊ NHƯ	THI	13/07/01	MK19112			Cấm thi
16	22503234	NGÔ MINH	THƯ	07/05/07	KT25111			
17	22002215	ĐÌNH PHƯƠNG	THY	20/02/02	TV20111			Cấm thi
18	22111126	LÊ NGUYỄN TRUNG	TIỀN	26/09/03	DM21111			
19	22012514	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	06/12/02	NT20111			
20	22503314	LƯU MINH	UYÊN	24/11/07	FT25111			
21	22502693	VĂN ĐÌNH	VƯƠNG	07/12/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 3693
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503271	HUỲNH NGỌC QUẾ	ANH	13/05/07	MK25111			
2	22501953	LÊ TRẦN KIM	ANH	05/10/07	MK25111			
3	22503412	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	05/02/07	MK25111			
4	22501059	TRẦN QUỲNH	ANH	25/12/07	MK25111			
5	22500382	TRƯƠNG BẢO	ANH	20/08/07	MK25111			
6	22503488	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÁNH	24/10/06	MK25111			
7	22502669	TRẦN QUANG	BẢO	22/07/07	MK25111			
8	22501834	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	08/10/07	MK25111			
9	22501966	TRẦN NGỌC BÍCH	CHIẾU	29/11/07	MK25111			
10	22500317	NGUYỄN CÔNG	DANH	15/10/06	DL25111			
11	22501096	LÊ THANH	DƯƠNG	24/01/07	MK25111			
12	22501599	TRẦN ĐẠI HẢI	ĐĂNG	16/04/07	MK25111			
13	22502091	TRẦN KHẢ	HÂN	04/02/07	MK25111			
14	22500721	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	05/12/07	MK25111			
15	22502980	VÕ TÁ	KIỆT	27/01/07	MK25111			
16	22503408	KHOA KHÁNH	LINH	20/10/07	MK25111			
17	22501898	LÊ THÙY	LINH	09/06/07	MK25111			
18	22500906	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	06/11/07	MK25111			
19	22501858	ĐẶNG HÀ LẠC	MIỀN	16/06/07	MK25111			
20	22501586	PHAN LÊ MINH	NGỌC	11/05/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 3693
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503113	PHAN THỊ KHÁNH	NHI	10/06/06	MK25111			
2	22503008	ĐỖ MINH BẢO	PHƯƠNG	05/10/07	MK25111			
3	22500659	NGUYỄN KHA MINH	QUÂN	13/10/07	MK25111			
4	22503106	NGUYỄN KIM	QUI	27/07/07	MK25111			
5	22500916	LƯU HOÀNG	QUỐC	27/11/07	MK25111			
6	22503263	LÊ NHƯ	QUYNH	24/07/07	MK25111			
7	22501354	CHU HIẾU	THIÊN	16/03/07	MK25111			
8	22501924	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	29/11/07	MK25111			
9	22503085	NGUYỄN GIA BẢO	THY	19/07/07	MK25111			
10	22503340	ĐINH GIA	TRANG	21/11/07	MK25111			
11	22502426	BÙI KHÁNH	TRINH	27/06/07	MK25111			
12	22500719	PHẠM MỸ TUYẾT	TRINH	22/03/07	MK25111			
13	22503052	LÊ HỮU	TRÍ	25/09/07	MK25111			
14	22501240	TRẦN HỮU	TRỌNG	30/12/07	MK25111			
15	22502525	HOÀNG MAI THANH	TRÚC	05/03/07	MK25111			
16	22502921	LÝ NGỌC	TRÚC	06/12/07	MK25111			
17	22503272	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	06/11/07	MK25111			
18	22502639	NGUYỄN KIM	TÚ	28/08/07	MK25111			
19	22502562	NGUYỄN MINH	VIỆT	29/06/07	MK25111			
20	22503208	NGUYỄN THẢO	VY	27/02/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2100 – Số hiệu lớp: 3694
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501002	LƯƠNG GIA	AN	30/03/07	NH25111			
2	22500920	TRẦN QUỲNH	ANH	01/10/07	TL25111			
3	22100264	TRỊNH QUỐC	ANH	06/08/03	TN21111			
4	22501604	LỮ THANH GIA	BẢO	17/11/07	MC25111			
5	2193549	NGUYỄN HOÀNG HẢI	DUY	28/11/01	DK19111			
6	22501542	PHẠM BẠCH	DƯƠNG	06/05/07	TL25111			
7	22501352	PHẠM HẢI	ĐĂNG	15/11/07	TL25111			
8	22500692	HUYỀN IN PHAN	HẢO	15/04/07	NH25111			
9	22500710	HÀ LÊ NGỌC	HÂN	22/05/07	TL25111			
10	22501876	PHẠM GIA	HÂN	25/11/07	TL25111			
11	22501407	TRỊNH KHÁNH	HÂN	31/01/07	TL25111			
12	22502711	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	30/12/07	SE25111			
13	22500486	TỔNG MINH	HIỂN	19/02/07	SE25111			
14	22502568	NGUYỄN NGỌC SÔNG	HOÀI	18/11/07	TL25111			
15	22115030	TRẦN HUY	HOÀNG	10/01/03	TN21111			
16	22503265	PHAN DUY	KHANG	06/03/07	NH25111			
17	22500700	NGUYỄN AN	KHUÊ	21/11/07	TL25111			
18	22500800	PHAN HOÀNG KHÁNH	LINH	29/08/06	SE25111			
19	22503333	VŨ THỊ BẢO	LINH	07/07/07	TL25111			
20	22500933	TỬ THỊ MINH	LÝ	21/06/07	TL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2100 – Số hiệu lớp: 3694
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502575	LÊ THỊ THẢO	NGÂN	07/04/07	TL25111			
2	22113466	NGUYỄN THÚY	NGÂN	03/12/03	TN21111			
3	22503165	TRẦN PHƯƠNG	NGHI	14/01/07	TL25111			
4	22119437	TRẦN MINH	NHÂN	20/02/03	TN21111			
5	22501928	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	03/12/07	NH25111			
6	22500411	HUỲNH THỊ THANH	NHƯ	25/02/06	TL25111			
7	22501888	NGUYỄN QUỲNH Ý	NHƯ	23/08/07	NH25111			
8	22502547	NGUYỄN THỊ ANH	SÁNG	16/10/07	NH25111			
9	22501896	PHAN VÕ NGỌC	THANH	28/05/07	TL25111			
10	22011960	NGUYỄN LÊ QUANG	THẮNG	24/07/02	DK20111			
11	22500671	PHẠM THỊ MAI	THI	15/01/07	TL25111			
12	22503315	BÙI THANH	THIÊN	05/02/07	TL25111			
13	22503082	TRẦN NHẬT	THIÊN	19/07/07	NH25111			
14	22501293	NGUYỄN MINH	THƯ	22/05/07	NH25111			
15	22503329	TRẦN LONG THANH	THƯ	13/09/07	TL25111			
16	22502322	VÕ MAI	THY	17/09/07	SE25111			
17	22502199	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	TRÍ	31/08/07	NH25111			
18	22502477	HOÀNG NỮ THANH	VÂN	25/05/07	NH25111			
19	22500539	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	20/11/07	NH25111			
20	22503506	LÊ THẢO	VY	30/12/07	NH25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 3688
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502791	TỪ	AN	21/07/07	QL25111			Cấm thi
2	22503379	HOÀNG THỊ MAI	ANH	02/01/07	PM25111			
3	22503804	PHẠM NGỌC QUỲNH	ANH	21/03/07	PM25111			
4	22501714	ĐẶNG GIA	BẢO	13/01/07	QL25111			
5	22503805	NGUYỄN KIM HOÀNG	BẢO	23/08/07	PM25111			
6	22501099	NGUYỄN THÁI	BẢO	07/06/07	PM25111			
7	22500570	TRẦN NHẬT	DUY	05/06/07	QL25111			
8	22500360	MAI ANH	ĐỨC	12/08/99	QL25111			
9	22503006	HUỲNH LÊ	HIẾU	04/12/07	QL25111			
10	22501019	TRẦN	HIẾU	20/03/07	QL25111			
11	22500794	NGUYỄN QUANG	HUY	02/12/07	QL25111			
12	22500735	NGUYỄN PHÚC	KHANG	30/09/07	QL25111			
13	22502175	LÊ TRẦN GIA	KHIÊM	12/10/07	QL25111			
14	22501272	LÊ VŨ ANH	KHOA	24/06/07	QL25111			
15	22501063	VŨ HUỲNH ANH	KHÔI	07/11/07	QL25111			
16	22500629	PHẠM QUANG	LỘC	30/08/07	QL25111			
17	22501107	NGUYỄN CÔNG	MINH	02/07/07	PM25111			
18	22501571	VÕ NHẬT	NAM	16/11/07	PM25111			
19	22011516	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	26/09/02	TV20111			
20	22503624	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	22/04/07	QL25111			
21	22503680	ĐOÀN ANH	PHI	01/08/07	PM25111			
22	22502982	NGUYỄN NGỌC	THỊNH	12/01/06	QL25111			
23	22500845	ĐINH MẠNH	TIẾN	13/01/07	QL25111			
24	22502608	TRẦN MINH	TIẾN	17/01/07	QL25111			
25	22503678	TRƯƠNG ĐỨC	TRÍ	12/12/07	PM25111			
26	22501052	NGUYỄN MINH	TRUNG	18/02/07	QL25111			
27	22012101	PHẠM NGUYỄN THẢO	UYÊN	01/04/02	KS20111			
28	22500894	PHẠM THẾ	VINH	19/04/07	QL25111			
29	2190679	NGUYỄN ANH	VƯƠNG	01/04/00	MK19111			
30	22011483	VÕ NGỌC	Ý	11/11/02	KS20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2700 – Số hiệu lớp: 3695
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501680	PHẠM TUẤN	ANH	22/10/07	TV251			
2	22502339	TẠ MAI	ANH	06/12/07	TV251			
3	22502999	DƯƠNG MINH	ÁI	24/04/07	TK251			
4	22501234	TRẦN HỒNG	ÁNH	04/08/07	TV251			
5	22502955	LÊ PHẠM KHẮC	CHUNG	22/04/07	TV251			
6	22502732	PHẠM HOÀNG NGỌC	DUNG	28/01/07	TK251			
7	22500431	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIAO	27/11/07	TV251			
8	22502723	HOÀNG NGUYỄN	GIÁP	28/01/07	TV251			
9	22501981	HỖ GIA	HÂN	08/03/07	TV251			
10	22500734	TRẦN NGỌC KHÁNH	HÂN	09/11/07	TV251			
11	22500391	NGUYỄN QUỐC	HUY	19/05/07	TV251			
12	22503236	GHIAN PHƯƠNG	HUYỀNH	19/08/07	TV251			
13	22502532	LÊ VĂN	HƯNG	04/10/07	TV251			
14	22500801	TRẦN GIA	HƯNG	11/03/07	TV251			
15	22501196	TRẦN TUẤN	HƯNG	05/11/07	TN25111			
16	22502273	NGUYỄN HUỲNH ANH	KHOA	18/05/07	TV251			
17	22500999	TRẦN MẠNH	KHÔI	14/07/07	TV251			
18	22500697	PHÙNG XƯƠNG	KỶ	11/11/07	TV251			
19	22500428	ĐẶNG THÀNH	LỘC	10/02/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2700 – Số hiệu lớp: 3695
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503456	MAI BẢO	NGHI	20/05/07	TV251			
2	22501402	LÊ HỒNG	NGỌC	25/12/07	TK251			
3	22500877	TRỊNH NGỌC BÌNH	NGUYỄN	10/09/07	TV251			
4	22502613	NGUYỄN TRÍ	NGUYỄN	20/12/07	TV251			
5	22503256	ĐỒNG KHÁNH LÂM	NHI	20/06/07	TV251			
6	22500405	NGUYỄN HỒNG KHẢ	NHI	24/04/07	TV251			
7	22500467	ĐỖ HỮU	PHÁT	04/10/07	TV251			
8	22500660	NGUYỄN TRUNG MINH	QUÂN	16/03/07	TV251			
9	22503504	LÊ THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/07	TV251			
10	22500955	NGUYỄN LÊ NHẬT	QUỲNH	19/11/07	TK251			
11	22500961	LÝ MINH	SAN	25/02/07	TK251			
12	22500758	NGUYỄN THÁI	SƠN	12/06/07	TV251			
13	22503240	HUỲNH KIM	SƯ	30/01/07	TV251			
14	22503448	PHẠM XUÂN	TÂM	25/12/07	TV251			
15	22503261	TRẦN NGỌC	THÀNH	04/10/07	TN25111			
16	22500768	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRÂM	03/07/07	TV251			
17	22502438	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	29/11/07	TV251			
18	22502046	TRẦN TUYẾT	VÂN	19/10/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2800 – Số hiệu lớp: 3696
Giảng viên: Lưu Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501776	NGUYỄN QUỲNH	ANH	07/05/07	DL25111			
2	22501435	TRẦN LÊ	ANH	03/04/07	DL25111			
3	22501082	TRẦN MAI LAN	ANH	12/04/07	DA25111			
4	22501629	NGUYỄN GIA	BẢO	25/12/07	DK25111			
5	22500510	NGUYỄN PHẠM BẢO	CHÂU	16/10/07	DA25111			
6	22503100	HUỲNH TRẦN THUY	DƯƠNG	20/10/07	PR25111			
7	22500654	HUỲNH VĂN	DƯƠNG	06/01/07	DK25111			
8	22503642	NGUYỄN THỊ THUY	DƯƠNG	30/08/07	DA25111			
9	22503004	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	GIANG	24/08/07	DK25111			
10	22501036	BÙI NAM	HẢI	23/09/07	DK25111			
11	22502096	LƯU GIA	HÂN	25/01/07	DL25111			Cấm thi
12	22500725	NGUYỄN KIM	HÂN	16/07/07	DK25111			
13	22503197	HÀ XUÂN	HƯƠNG	06/03/07	DK25111			
14	22501333	NGUYỄN THANH DUY	KHÁNH	15/03/07	DK25111			
15	22500650	BÙI ANH	KHOA	17/07/07	DK25111			
16	22503527	HÀ QUỐC	KIỆT	13/09/07	DK25111			
17	22500975	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	22/04/07	DK25111			
18	22503171	TRẦN THỊ MỸ	KIM	08/08/07	PR25111			
19	22502040	PHAN NGỌC BÍCH	LAM	12/11/07	DL25111			
20	22500881	LÊ TRÍ	LÂM	17/09/07	DA25111			
21	22501778	PHẠM KIỀU	LINH	08/08/07	DK25111			
22	22501693	HOÀNG NGỌC THẢO	NGÂN	21/12/07	DA25111			
23	22501080	TRẦN PHƯƠNG	NGHI	12/09/07	DK25111			
24	22502844	LÊ MAI NHƯ	NGỌC	02/12/07	DK25111			
25	22501620	TRẦN LÊ BẢO	NHƯ	03/07/07	DA25111			
26	22501949	TỪ KHẢI	OANH	13/11/07	PR25111			
27	22501057	LƯU HOÀNG	PHÚC	09/01/07	DK25111			
28	22502260	PHẠM ĐOÀN AN	TÂM	16/04/07	DK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2800 – Số hiệu lớp: 3696
Giảng viên: Lưu Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500462	HUỖNH NGỌC	THƠ	27/09/07	DL25111			
2	22503177	PHAN THỊ ANH	THỨ	11/10/07	PR25111			
3	22503024	TRẦN TRUNG	TÍN	10/02/07	DL25111			
4	22500837	LÊ KHÁNH	TOÀN	26/11/07	DK25111			
5	22501870	BÙI THỊ THÙY	TRANG	12/11/07	PR25111			
6	22501612	NGUYỄN LÊ KHÁNH	VÂN	12/03/07	DA25111			
7	22501299	LÊ KIM KHÁNH	VI	14/11/07	DA25111			
8	22503423	ĐOÀN LÂM BẢO	VY	29/04/07	PR25111			
9	22501078	TRỊNH HOÀNG PHƯƠNG	VY	26/09/07	PR25111			
10	22501343	TRƯỜNG HOÀNG HẢI	VY	29/08/07	PR25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 3452
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502084	PHẠM NGỌC MINH	THỨ	08/04/07	TC25111			
2	22502717	TRẦN THỊ NGỌC BẢO	TRÂM	16/10/07	EM25111			
3	22501026	PHẠM HUỲNH QUẾ	TRÂN	18/04/07	EM25111			
4	22010671	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	06/07/02	TT20111			
5	22502559	Y -	UYÊN	17/05/07	EM25111			
6	22003756	NGUYỄN HỒNG KIẾN	VĂN	23/02/02	KN20111			
7	22503269	NGUYỄN NGỌC	VY	26/03/07	EM25111			
8	22500934	PHẠM PHƯƠNG	VY	09/04/07	EM25111			
9	22502603	TRẦN PHAN THỊ YẾN	VY	12/08/07	TC25111			
10	22500883	DIỆP HOÀN NHƯ	Ý	22/02/07	EM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 3452
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 11/11/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502000	HOÀNG HỒNG MINH	ANH	08/09/07	EM25111			
2	22000816	HUỲNH	ANH	01/01/02	MK20111			
3	22500818	ĐẶNG NGỌC TRẦN	CHÂU	29/08/07	EM25111			
4	2190929	HỨA NGỌC MINH	CHÂU	22/06/01	TC19112			
5	2192897	NGUYỄN TRANG MỸ	CHÂU	24/11/01	NT19112			Cấm thi
6	22501079	TRẦN MỸ	CHÂU	01/10/07	EM25111			
7	22503287	TẶNG VĨNH	CƯỜNG	15/06/07	EM25111			
8	2190924	NGUYỄN NGỌC	ĐỨC	08/03/01	MK19111			
9	2191467	TRẦN THANH	HẢI	08/12/01	PM19111			
10	22501304	DƯƠNG LÊ BẢO	HÂN	15/06/07	EM25111			
11	22106981	PHAN THÁI	HÒA	30/03/03	KN21111			
12	22502926	HUỲNH CAO	HÙNG	15/04/07	TC25111			
13	22500615	LƯU MỸ	KIM	12/07/07	EM25111			
14	22501990	NGUYỄN NGỌC	LINH	08/01/07	EM25111			
15	22503077	TRẦN PHƯƠNG	LINH	06/08/07	EM25111			
16	2191514	NGUYỄN PHAN	LONG	26/02/01	TT19112			
17	22501204	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	20/08/07	EM25111			
18	22500819	LÊ HUỲNH XUÂN	NGÂN	26/11/07	EM25111			
19	22503029	DƯƠNG BÍCH	NGỌC	18/12/07	EM25111			
20	22503105	LÊ HỒNG	NGỌC	04/10/07	TC25111			
21	22500776	TRẦN KIM	NGỌC	09/02/07	EM25111			
22	22500581	LÂM ÁI	NHI	01/01/07	TC25111			
23	22503441	MAI QUỲNH	NHI	16/02/07	EM25111			
24	22500473	TRẦN BẢO	NHƯ	19/11/04	TT25111			
25	2197430	VŨ NGUYỄN HÙNG	PHÁT	20/09/01	DL19121			
26	22503103	NGUYỄN LÊ TRỌNG	PHÚ	01/10/07	TC25111			
27	22500672	ĐỖ NGỌC MAI	THANH	01/10/07	TC25111			
28	2184078	TRÁC LƯU	THÔNG	26/09/00	QL1811			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)